

Số: 704/VĐ-VTTBYT
V/v Yêu cầu báo giá TTBYT

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm vật tư y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Vũ Thị Vân Anh (037 547 0686).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư- Thiết bị y tế P207 Nhà A2, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ **Số hiệu văn bản YCBG** trong nội dung email.

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h, ngày 19 tháng 02 năm 2025 đến trước 11h ngày 03 tháng 03 năm 2025.

Lưu ý: Yêu cầu quý công ty cung cấp thông tin đơn giá của các mặt hàng trong nội dung báo giá của mình trong trường hợp bệnh viện cần thay đổi số lượng cần mua sắm.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 03 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế: Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm

2. Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao – Phòng VT-TBYT – Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

Phương thức giao nhận: Căn cứ số lượng gọi hàng của Bệnh viện, Bên bán thực hiện việc xuất hóa đơn bao gồm Thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa do bên bán chịu.

Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Căn cứ vào số lượng gọi hàng, Bên Bán thực hiện việc xuất hóa đơn thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, giao cho Bệnh viện mua làm cơ sở để thanh toán, thời gian thanh toán tối đa 90 ngày kể từ khi Bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định cho Bệnh viện.



3. Thời gian giao hàng dự kiến: ≤ 48 giờ kể từ khi có yêu cầu của Bệnh viện.

4. Các thông tin khác (nếu có):

4.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh của đơn vị chào giá;
- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025.
- Báo giá (theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm).
- Cung cấp các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế. Cung cấp Cataloge, cấu hình và tính năng kỹ thuật của trang thiết bị và các tài liệu khác liên quan đến trang thiết bị (Chứng nhận ISO của hãng sản xuất (còn hạn), Giấy phép nhập khẩu/Giấy chứng nhận lưu hành hoặc các tài liệu tương đương);
- Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa tương tự (Nếu có).
- Các thông tin khác (nếu có).

4.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: VT, VT-TBYT.



TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT



Hoàng Bảo Anh

PHỤ LỤC 01. BẢNG MÔ TẢ
(Kèm theo công văn số: 704 /VĐ-VTTBYT ngày 19 tháng 02 năm 2025)

Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Hàng hóa mới 100%
- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 còn hiệu lực.

II. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN:

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Túi nước tiểu (dùng cho ghép tạng)	Dung tích chứa tối thiểu 2000ml. Túi nước tiểu có buồng đo độc lập dung tích tối thiểu 400ml để đo chính xác lượng nước tiểu; có cổng lấy mẫu và khoang chứa mẫu, túi có vạch chia dung tích. Dây nối dài tối thiểu 150cm, có khóa dây. Có van chặn chống nước tiểu chảy ngược. Có móc treo bằng nhựa cứng. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	864
2	Túi cho ăn theo máy	Dung tích khoảng 1000ml, không chứa DEHP, có khóa chống chảy. Cam kết cung cấp máy cho ăn bao gồm các tính năng: chế độ cho ăn liên tục hoặc chế độ cho ăn ngắt quãng, tốc độ cho ăn từ 1-400ml/giờ, có áp lực nén 15 PSI.	Cái	1.872
3	Điện Cực tim	Điện cực loại dán hình oval kích thước tối thiểu 3cm x 4cm. Điện cực cảm biến Ag/AgCl có độ nhạy tín hiệu cao, độ dính tốt không gây kích ứng và để lại keo trên da.	Cái	1.114.656
4	Sonde foley 3 chạc	Sonde có 3 nhánh. - Chất liệu cao su có phủ silicon hoặc hoàn toàn bằng silicon, không có chất DEHP. - Kích thước bóng ≥ 30 ml. Tốc độ dòng chảy ≥ 70 cm ³ /phút (12Fr), ≥ 100 ml/ phút (14-24Fr). - Cung cấp được tối thiểu các số 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr và 24 Fr. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	6.408
5	Sonde Foley 2 chạc	Sonde có 2 nhánh. Chất liệu cao su có phủ silicon hoặc hoàn toàn bằng silicon, không có chất DEHP. Có van bơm bóng đảm bảo giữ được áp lực tối thiểu 24 giờ. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc. Cung cấp được tối thiểu các số: - Dùng cho người lớn: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr, 26 Fr; kích thước bóng ≥ 30 ml. Sonde dài khoảng 400mm ($\pm \leq 5\%$). - Dùng cho trẻ em: 8Fr, 10Fr; kích thước bóng ≥ 3 ml. Sonde dài khoảng 280mm ($\pm \leq 5\%$).	Cái	84.648
6	Sonde chữ T (Kehr)	Làm bằng cao su phủ Silicon hoặc bằng silicon. Kích thước 20x40cm. Cung cấp được tối thiểu các số 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr.	Cái	2.376

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
7	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh loại xả được: - Chiều dài túi tối thiểu 280mm. Thể tích 650ml ($\leq 5\%$). - Mặt ngoài túi trong suốt. - Đế làm từ hydrocolloid, có vòng cắt 10-70mm. Đế hình lục giác giúp ôm sát cơ thể. - Chiều rộng miệng xả 7cm. - Túi có kẹp mềm.	Cái	4.848
8	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp CT 256 lớp cắt	Cấu hình tối thiểu gồm: 01 bơm tiêm dung tích 190ml ($\pm 5\%$) và 01 ống hút. Làm bằng chất liệu PET, không chứa DEHP. Chịu được áp lực cao tối thiểu 300psi. Tương thích sử dụng với máy bơm thuốc cân quang Salient/Medrad loại 1 nòng hoặc 2 nòng dùng trong chụp CT 256 dãy.	Cái	1.560
9	Dây dẫn áp lực cao (chữ Y dùng cho máy CT256 lát cắt)	Dây nối 2 nòng, chữ Y, chất liệu nhựa, không chứa DEHP. Chiều dài 150cm ($\pm 5\%$). Đầu nối có luer lock, có 2 van 1 chiều, chịu được áp lực cao tối thiểu 350psi. Tương thích với bộ xilanh dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang đang dùng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức chụp CT 256 lớp cắt và vật tư sử dụng cùng.	Cái	936
10	Kim sinh thiết tạng	Cấu hình tối thiểu gồm: 01 kim dẫn đường; 01 kim sinh thiết; 01 khóa an toàn. Có 2 nấc cho chức năng lấy mẫu 10mm ($\pm 10\%$) và 20mm (sai số $\pm 10\%$). Có tối thiểu các cỡ kim 14G, 16G, 18G, 20G. Có kênh riêng để hút dịch và bơm thuốc điều trị. Có vạch chia (1cm/ vạch). Được đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	2.736
11	Kim chọc dò áp xe	Kích cỡ kim 16G, chất liệu thép không gỉ. Catheter có chiều dài ≥ 130 mm, chất liệu FEP có khả năng cân quang. Tiệt trùng EO.	Cái	3.792
12	Kim sinh thiết xương	Gồm tối thiểu các bộ phận: 01 kim sinh thiết bằng chất liệu thép không gỉ, có tối thiểu các cỡ có đường kính 8G và 11G; 01 Surelock lấy mẫu; 01 Marker; 01 nắp an toàn. Cung cấp được tối thiểu 04 cỡ có đường chiều dài từ 10cm ($\pm 5\%$) đến 15cm ($\pm 5\%$).	Cái	144
13	Mask thanh quản 1 nòng (có nòng dạ dày)	Mask thanh quản 1 nòng không cần bơm hơi hoặc rút khí: - Chất liệu gel mềm, không chứa latex và PVC. - Có nòng dạ dày thứ 2 bên trong lòng ống cho phép hút dịch dạ dày trong khi vẫn thông khí. Đặt được ống đặt nội khí quản trong lòng ống. - Cung cấp được tối thiểu các kích cỡ: 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4 và 5 phù hợp với trọng lượng bệnh nhân từ sơ sinh đến người lớn.	Cái	192
14	Ống juber mở khí quản một nòng	- Được làm bằng nhựa PVC trong, không độc, có bóng, đầu valve có khóa, cong 90 độ, với đầu nối 15mm ($\pm 5\%$) xoay được. - Gồm tối thiểu các cỡ: 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8. - Có đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	4.560

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
15	Đầu dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn (kèm dây đo áp lực tĩnh mạch)	Đầu dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn có sẵn cảm biến, kèm dây tĩnh mạch. Dải áp suất hoạt động: từ -50 đến 300 mmHg; Độ nhạy $\leq 5.1 \text{ uV/V/mmHg}$; Bảo vệ quá áp 6000 mmHg hoặc lớn hơn. Thành phần: 01 dome gắn sẵn cảm biến, đầy đủ dây nối cảm biến với bệnh nhân có dây đo áp lực động mạch dài tối thiểu 180cm và dây nối cảm biến với dịch truyền, tháo rời được, có khóa 3 cổng và có nắp đậy, đoạn dây đo áp lực tĩnh mạch dài tối thiểu 150cm. Cung cấp được tối thiểu 08 chuẩn kết nối dây cáp của đầu dome với cáp đo IBP như Edwards, Hospira, Utah, BD, Argon, Philips, PVB và USB. Cam kết cung cấp miễn phí cáp đo IBP và giá treo đầu dome cho các máy theo dõi bệnh nhân hãng: Philips, Spacelabs, Nihon Kohden, GE, Drager, Heyer, Mindray.	Cái	17.208
16	Đầu dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn	Đầu dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn có sẵn cảm biến. Dải áp suất hoạt động: từ -50 đến 300 mmHg; Độ nhạy $\leq 5.1 \text{ uV/V/mmHg}$; Bảo vệ quá áp 6000 mmHg hoặc lớn hơn. Thành phần: 1 đầu dome gắn sẵn cảm biến, đầy đủ dây nối cảm biến với bệnh nhân dài tối thiểu 150 cm và dây nối cảm biến với dịch truyền, tháo rời được. Có khóa 3 cổng và có nắp đậy. Cung cấp được tối thiểu 08 chuẩn kết nối dây cáp của đầu dome với cáp đo IBP như Edwards, Hospira, Utah, BD, Argon, Philips, PVB và USB. Cam kết cung cấp miễn phí cáp đo IBP và giá treo đầu dome cho các máy theo dõi bệnh nhân hãng: Philips, Spacelabs, Nihon Kohden, GE, Drager, Heyer, Mindray.	Cái	20.688
17	Catridge cho máy làm ấm máu và dịch truyền	Ống dẫn dịch (Cartridge), kích thước: 110mm x 40mm x 10mm ($\pm 5\%$), dung tích ống 4ml ($\pm 5\%$). Tương thích với máy làm ấm máu và dịch truyền đang sử dụng tại bệnh viện (Model: 980105VS và 980121EU. Hãng sản xuất: CareFusion/Vyaire Medical Inc. Xuất xứ: Trung Quốc. Năm sản xuất: 2019). Tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	2.352
18	Dây dẫn hướng đặt sonde JJ	Dây dẫn đường chất liệu Teflon (PTFE), được cấu tạo vỏ nhựa và có lõi thép, có đầu không cản quang. Có các cỡ: 0.032", 0.035", 0.038", chiều dài 150cm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	10.224
19	Sonde JJ dùng cho bệnh nhân ghép tạng (không kèm dây dẫn hướng)	Sonde jj dùng cho bệnh nhân ghép tạng loại mở 2 đầu: - Chất liệu Polyurethane Tecoflex, có vạch đánh dấu cản quang trên thân sonde; - Cung cấp được các tối thiểu các đường kính 6Fr (sử dụng với dây dẫn 0.035 inch), đường kính 7Fr và 8Fr (sử dụng với dây dẫn 0.038 inch); - Chiều dài từ 12cm đến 16cm. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	864

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
20	Lưỡi cắt nội soi tiết niệu	Lưỡi cắt nội soi đường kính 24Fr, nghiêng 30 độ ($\pm 5\%$). Cung cấp được tối thiểu loại hình vòng, hình cầu và hình mũi nhọn. Tương thích với các tay cắt phẫu thuật nội soi tiết niệu hãng Karl Storz Bệnh viện đang sử dụng. Cung cấp được tối thiểu loại 1 chân và 2 chân.	Cái	552
21	Dụng cụ dùng rút sonde JJ	Dụng cụ rút xông JJ, tay cầm 3 ngón dễ thao tác, chất liệu Nitinol và Nylon66. Các kích thước đường kính 3Fr, 4Fr; loại 3 móc dễ rút xông, các kích thước độ dài khoảng 70cm, 90cm, 120cm.	Cái	408
22	Đầu tán sỏi mềm đường mật	Kích thước đầu tán 4.5Fr, chiều dài 600mm ($\pm 5\%$) loại mềm, sử dụng nhiều lần. Tương thích với thiết bị tán sỏi CHF-V hãng Olympus/ Nhật Bản đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	360
23	Lưới nâng đường tiểu nữ	Lưới dài 45 cm ($\pm 5\%$), chất liệu 100% polypropylene. Kèm dụng cụ 2 móc dùng để nâng và căng lưới.	Bộ	96
24	Tay dao siêu âm phẫu thuật nội soi (cầm máu tăng cường)	Chiều dài cán 350mm ($\pm 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm 5\%$). Có chế độ cầm máu tăng cường đối với mạch có đường kính ≤ 7 mm. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	600
25	Tay dao siêu âm kèm hàn mạch máu cho mổ nội soi	Tay dao siêu âm hàn mạch cho mổ nội soi. Đường kính 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài 350mm ($\pm 5\%$), có thể dùng cho cả cắt siêu âm và hàn mạch. Tương thích với Dao siêu âm và hàn mạch Thunderbeat (Model: USG-400, Hãng sản xuất Olympus, xuất xứ Nhật Bản) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	48
26	Tay dao siêu âm kèm hàn mạch máu cho mổ mở	Tay dao siêu âm hàn mạch cho mổ mở. Đường kính 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài 200mm ($\pm 5\%$), có thể dùng cho cả cắt đốt lưỡng cực, siêu âm và hàn mạch. Tương thích với Dao siêu âm và hàn mạch Thunderbeat (Model: USG-400, Hãng sản xuất Olympus, xuất xứ Nhật Bản) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	48
27	Clip Titan dùng kẹp mạch máu cỡ ML	Clip hình chữ V, chất liệu Titanium. Có thiết kế không bị trượt mạch máu. Kẹp được mạch máu cỡ 2.5mm - 4mm.	Cái	14.616
28	Clip Titan dùng kẹp mạch máu cỡ M	Clip hình chữ V, chất liệu Titanium. Có thiết kế không bị trượt mạch máu. Kẹp được mạch máu cỡ 1mm - 2.5mm.	Cái	26.592
29	Clip Titan dùng kẹp mạch máu cỡ S	Clip hình chữ V, chất liệu Titanium. Có thiết kế không bị trượt mạch máu. Kẹp được mạch máu cỡ 0.3mm - 1.5mm.	Cái	27.000
30	Clip Polymer dùng kẹp mạch máu cỡ XL	Clip chất liệu Polymer. Có các răng nhọn so le nghiêng về phía mô bị kẹp, kiểu khớp động. Kẹp được mạch máu cỡ 7mm - 16mm.	Cái	4.680
31	Clip Polymer dùng kẹp mạch máu cỡ L	Clip chất liệu Polymer. Có các răng nhọn so le nghiêng về phía mô bị kẹp, kiểu khớp động. Kẹp được mạch máu cỡ 5mm - 13mm.	Cái	65.160
32	Clip Polymer dùng kẹp mạch máu cỡ ML	Clip chất liệu Polymer. Có các răng nhọn so le nghiêng về phía mô bị kẹp, kiểu khớp động. Kẹp được mạch máu cỡ 3mm - 10mm.	Cái	13.872
33	Lưỡi dao bào da	Lưỡi dao bào da, tương thích với dao Wagner/Aesculap/ Đức đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.	Cái	480

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
34	Lọ cấy đờm	Hình trụ có dung tích tối thiểu 20ml, có vạch chia thể tích, một đầu nối vào máy hút, một đầu nối với sonde hút. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	1.800
35	Điện cực kim	Kim điện cơ đồng tâm, dài khoảng 25mm, 30G (0.3mm), diện tích ghi khoảng 0.03mm ² . Tương thích với máy điện cơ vi tính Nicolet EDX (Hãng Natus/ Mỹ) và máy MEB-9400K (Hãng Nihon Kohden Cor./ Nhật Bản) đang sử dụng tại bệnh viện.	Cái	22.464
36	Điện cực đất	Điện cực đất loại dán Ag/AgCl, diện tích tiếp xúc tối thiểu 40x50mm, chiều dài dây $\geq$ 1m. Tương thích với máy điện cơ vi tính Nicolet EDX (Hãng Natus/ Mỹ) và máy MEB-9400K (Hãng Nihon Kohden Cor./ Nhật Bản) đang sử dụng tại bệnh viện.	Cái	1.800
37	Điện cực dán bề mặt	Điện cực dán đo dẫn truyền Ag/AgCl, diện tích tiếp xúc tối thiểu 20x25mm, chiều dài dây $\geq$ 1m. Tương thích với máy điện cơ vi tính Nicolet EDX (Hãng Natus/ Mỹ) và máy MEB-9400K (Hãng Nihon Kohden Cor./ Nhật Bản) đang sử dụng tại bệnh viện.	Cặp	1.920
38	Mũi khoan tạo hình (dài 8cm, đường kính 1.1mm)	Chiều dài 80mm ($\pm 5\%$), đường kính 1.1mm. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	2.184
39	Mũi khoan cắt sọ (tương thích với máy khoan Medtronic)	Chiều dài 80mm ($\pm 5\%$), đường kính 2.3mm. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	3.744
40	Mũi khoan mài (Đường kính từ 2mm - 7.5mm)	Cung cấp được tối thiểu 09 cỡ có chiều dài từ 90mm đến 140mm, đường kính từ 2mm đến 7.5mm. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	2.664
41	Mũi khoan mài kim cương (Đường kính từ 2mm- 4mm)	Cung cấp được tối thiểu 09 cỡ có chiều dài từ 90mm đến 140mm, đường kính từ 2mm đến 4mm. Tương thích với máy khoan Medtronic đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	2.040
42	Clip đường kính mở 7.5mm	Clip dùng trong nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, đóng mở 1 lần. Đường kính mở 7.5mm ($\pm 5\%$), góc mở 135 độ ($\pm 5\%$). Được làm bằng thép không gỉ.	Cái	792
43	Clip đường kính mở 9mm	Clip dùng trong nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, đóng mở 1 lần. Đường kính mở 9mm ($\pm 5\%$), góc mở 135 độ ($\pm 5\%$). Được làm bằng thép không gỉ.	Cái	792
44	Clip đường kính mở 11mm	Clip dùng trong nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, đóng mở 1 lần. Đường kính mở 11mm ($\pm 5\%$), góc mở 135 độ ($\pm 5\%$). Được làm bằng thép không gỉ.	Cái	936
45	Tay cầm clip xoay được 360 độ	Tay cầm clip đường kính 2.7mm ($\pm 5\%$). Độ dài làm việc $\geq$ 190cm, tay xoay được 360 độ. Chất liệu phần dây dẫn làm bằng thép không gỉ. Sử dụng lại được nhiều lần.	Cái	24

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
46	Hemoclips đường kính mở đến 16mm	Sử dụng trong nội soi can thiệp cầm máu đường mật, dạ dày, đại tràng. Chất liệu bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Cán xoay được, đường kính mở đến $\geq 16\text{mm}$. Tương thích với kênh làm việc 2.8mm	Cái	552
47	Hemoclips đường kính mở đến 11mm	Sử dụng trong nội soi can thiệp cầm máu đường mật, dạ dày, đại tràng. Chất liệu bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Cán xoay được, đường kính mở $\geq 11\text{mm}$. Tương thích với kênh làm việc 2.8mm	Cái	288
48	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm. Cho phép thắt ≥ 6 vòng cho một lần thao tác nội soi. Tương thích với dây soi có đường kính từ 9mm - 11mm ($\pm 5\%$)	Cái	144
49	Kẹp lấy dị vật răng chuột	Tương thích với kênh làm việc 2.8 mm. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1650 mm đến 2300mm, Độ mở trong khoảng từ 3.0mm đến 5.0mm, ngàm răng chuột.	Cái	24
50	Bóng nong thực quản	Bóng nong thực quản có đầy đủ các kích cỡ đường kính từ 15mm đến 20mm, + Chiều dài bóng trong khoảng 55mm - 60mm; + Tương thích với Kênh làm việc 2.8mm/3.2mm; + Đường kính ống thông catheter có tối thiểu cỡ 7.5Fr, + Chiều dài làm việc: Trong khoảng 1800mm - 2400mm. Tương thích với dây dẫn hướng 0.035inch; Có điểm đánh dấu cản quang tại vị trí đầu và cuối.	Cái	96
51	Bóng nong đường mật	Bóng nong đường mật có đầy đủ các kích cỡ đường kính từ 6mm đến 15mm, + Chiều dài bóng trong khoảng 30mm - 55mm; + Tương thích với Kênh làm việc 2.8/3.2mm; + Đường kính ống thông catheter có tối thiểu cỡ 7.5Fr, + Chiều dài làm việc: Trong khoảng 1800mm - 2400mm Tương thích với dây dẫn hướng 0.035inch; Có đánh dấu cản quang tại vị trí đầu và cuối.	Cái	96
52	Dao cắt cơ thắt (có đầu cách điện)	Có đầu cách điện, Tương thích với kênh làm việc 2.8mm. Chiều dài dao cắt trong khoảng từ 20mm đến 25mm, Đường kính đầu tip 2mm ($\pm 5\%$), chiều dài đầu tip 5mm ($\pm 5\%$).	Cái	96
53	Dao cắt cơ thắt (không có đầu cách điện)	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi dạng xoay. Chiều dài dây cắt trong khoảng từ 20mm đến 30mm. Cung cấp được tối thiểu 3 cỡ với đường kính ngoài các cỡ trong khoảng từ 3.5Fr đến 5.0Fr. Chiều dài đầu tip 5mm ($\pm 5\%$). Chiều dài ống thông $\geq 200\text{cm}$, tương thích dây dẫn hướng từ 0.025 inch-0.035 inch.	Cái	96
54	Rọ lấy sỏi	Tương thích với Kênh làm việc: 2.8mm Chiều dài làm việc 1900mm ($\pm 5\%$) Độ mở của rọ: 22mm ($\pm 5\%$) Có kênh bơm tưới rửa/thuốc cản quang, có phần kết nối với ống soi, có đánh dấu điểm cắt trên thân dụng cụ. Rọ xoay được.	Cái	144

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
55	Tay cầm cho rọ lấy sỏi	Sử dụng trong nội soi can thiệp. Trên thân có khóa dụng cụ và núm xoay tròn theo vị trí dụng cụ.	Cái	24
56	Dụng cụ phá sỏi	Dụng cụ phá sỏi đường mật, độ mở của hàm 30 mm ($\pm \leq 5\%$). Tương thích với Kênh làm việc 4.2 mm. Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm.	Cái	24
57	Dây dẫn dùng trong nội soi	Dây dẫn dùng trong nội soi can thiệp. Chất liệu Nitinol, thay đổi được độ uốn cong của dây dẫn. Đầu tip có các dạng thẳng và cong. Chiều dài dây dẫn trong khoảng từ 260 đến 450cm, có 02 cỡ đường kính dây dẫn hướng 0.025 inch và 0.035inch. Đầu dây có cản quang.	Cái	264
58	Stent nhựa đường mật	Stent nhựa đường mật có tối thiểu các loại: 2 đầu cong, 1 đầu thẳng 1 đầu cong, 2 đầu thẳng, có vạch đánh dấu trên thân. Có tối thiểu các cỡ đường kính 5Fr, 7Fr, 8.5Fr, 10Fr, 11.5Fr. Stent dài trong khoảng từ 50mm đến 150mm. Chất liệu PEBAX. Đầu stent dạng tròn giúp stent bám chặt vào đường mật.	Cái	384
59	Dao cắt hót dưới niêm mạc đầu sứ cách điện	Điện cực có hình tam giác hình đĩa kết hợp đầu sứ cách điện. Chiều dài làm việc khoảng từ 1650mm đến 2300mm. Tương thích với Kênh làm việc 2.8mm. Chiều dài dao cắt trong khoảng từ 3.5mm đến 4.5mm. Đường kính đầu sứ cách điện trong khoảng từ 1.7mm đến 2.2mm.	Cái	48
60	Catheter để nhuộm niêm mạc	Kiểu ống xịt loại phun khuếch tán, tương thích với kênh làm việc 2.8mm. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1650mm đến 2400mm.	Cái	24
61	Canuyn ngang miệng	Canyun ngang miệng, có dây đeo buộc qua đầu để cố định Canyun, có 2 độ mở rộng: 13mm x 20mm ($\leq \pm 5\%$) và 21mm x 26mm ($\leq \pm 5\%$)	Cái	624
62	Lọng cắt Polype các cỡ	Lọng cắt Polype được làm bằng thép không gỉ. Xoay được 360 độ. Lọng cắt hình Oval hoặc hình tròn. Chiều dài thông lọng trong khoảng từ 1600mm đến 2400mm. Cung cấp được lọng cắt các cỡ có đường kính từ 10mm đến 30mm.	Cái	264
63	Kim tiêm cầm máu	Cung cấp đầy đủ các kích thước đường kính từ 21G đến 25G. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1600mm đến 2300mm, có khóa kim trên tay cầm. Độ dài mũi kim trong khoảng từ 4mm đến 7mm. Tương thích với Kênh làm việc 2.8mm. Ống được làm từ PTFE (teflon).	Cái	144
64	Thắt chân polype (Endoloop)	Sử dụng trong nội soi can thiệp, thắt chân polype gắn liền cán, chiều dài làm việc 2300mm ($\pm \leq 5\%$). Tương thích với Kênh làm việc 2.8mm. Đường kính vòng thắt 30mm ($\pm \leq 5\%$).	Cái	144

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
65	Catheter dùng trong nội soi can thiệp	Kênh làm việc tối thiểu: 2.2mm Chiều dài làm việc: 1950mm ($\pm 5\%$) Đường kính đầu tip: 2.5 Fr/3.5Fr/4 Fr/4.5 Fr/6 Fr Tương thích dây dẫn hướng: 0.035"/0.025" Hình dạng đầu tip: đầu thuôn ngắn, đầu thuôn dài, tiêu chuẩn, dạng thuôn, dạng tròn, đầu hình cầu.	Cái	144
66	Kẹp cầm máu	Kẹp cầm máu loại dùng với dao mổ điện, dùng 1 lần. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1600 đến 2300mm. Xoay được. Tương thích với kênh làm việc 2.8mm/3.2mm, độ mở của ngàm trong khoảng từ 4mm đến 6.5mm.	Cái	24
67	Dụng cụ xít cầm máu qua nội soi	Dụng cụ cầm máu dạng xít bao gồm chất cầm máu, không tiếp xúc, không sử dụng nhiệt. Catheter dài 220cm ($\leq 5\%$), tương thích với kênh làm việc 2.8mm, đường kính Catheter 7Fr.	Cái	24
68	Bóng kéo sỏi đường mật	Bóng kéo sỏi 3 kênh, có hỗ trợ dây dẫn hướng. Đường kính ống thông trong khoảng từ 6Fr đến 7Fr; đường kính bóng thay đổi được sau khi bơm phồng 9mm, 12mm, 15mm, 18mm. Có điểm đánh dấu cản quang. Chiều dài kênh làm việc 2000mm ($\leq 5\%$) tương thích dây dẫn 0.035 inch.	Cái	96
69	Kim luồn chạy thận	Chiều dài khoảng 25mm($\pm 5\%$), có lỗ ở mặt sau kim. Cánh bướm dán được bằng dính và xoay được 360°. Ống silicon chất liệu nhựa trong. Có khóa. Cung cấp được tối thiểu các cỡ 16G và 17G. Đóng gói vô trùng đơn chiếc.	Cái	131.496
70	Dây dẫn máu dùng cho thận nhân tạo	Dây dẫn máu có độ kéo giãn: không vượt quá 2,3cm. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Bộ	70.584
71	Quả lọc thận số 12	Quả lọc thận số 12. Chất liệu màng lọc: Polysulfone. Diện tích bề mặt từ 1.2m ² - 1.4m ² , hệ số lọc ≥ 11 ml/h/mmHg. Kiểu quả khô. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Quả	8.664
72	Quả lọc thận số 15	Quả lọc thận số 15. Chất liệu màng lọc Polysulfone. Diện tích bề mặt từ 1.4m ² - 1.6m ² , hệ số lọc ≥ 14 ml/h/mmHg. Kiểu quả khô. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Quả	42.192
73	Quả lọc thận số 18	Quả lọc thận số 18. Chất liệu màng lọc: Cellulose Triacetate. Diện tích bề mặt: 1.7m ² - 1.9m ² . Hệ số siêu lọc ≥ 23 ml/h/mmHg. Kiểu quả khô. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Quả	6.240
74	Quả siêu lọc thận số 15	Chất liệu màng lọc: Polyester – Polymer Alloy. Diện tích bề mặt: 1.5m ² -1,6m ² ; Hệ số siêu lọc ≥ 50 ml/h/mmHg. Kiểu quả ướt. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Quả	19.752
75	Quả siêu lọc thận số 18	Chất liệu màng lọc: Polyester - Polymer Alloy. Diện tích bề mặt: 1.8m ² -1,9m ² ; hệ số siêu lọc: ≥ 55 ml/h/mmHg. Kiểu quả ướt. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Quả	16.488

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
76	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng dùng cho Thận nhân tạo (phủ chất kháng khuẩn)	Catheter lọc máu 2 nòng chất liệu Polyurethane có cân quang với đầu tip mềm, phủ kháng khuẩn bề mặt bằng Chlorhexidine, Bạc Sulfadiazine và kẹp ống mở rộng. Một bộ gồm: - Catheter 2 nòng: kích thước 12F x 16cm, chất liệu Polyurethan - Dây kim loại dẫn đường có vạch đánh dấu chiều dài x đường kính: 0.35" x 26-3/4". (Một đầu thẳng mềm, một đầu hình "J") nằm trong dụng cụ bằng nhựa giúp thực hiện thao tác luồn bằng 1 tay. - Catheter 18G x 2-1/2" cân quang bên ngoài kim dẫn đường 20G. - Đầu dò truyền áp suất. - Kim dẫn đường 18G x 2-1/2" và bơm 5ml có lỗ luồn dây dẫn đường. - Cây nong mạch 12F x 14cm. - 2 nút chặt không có van thông khí - Dao mổ cỡ 11 - Khăn đặt catheter 24" x 36"	Cái	144
77	Đầu nối bảo vệ máy thận	Màng chống nước, kích thước lỗ 0,2micro. Bộ lọc không khí kháng khuẩn, chống nước, có 2 khóa Female /Male, có màng ngăn vô trùng chỉ cho không khí đi qua. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	12.768
78	Catheter đường hầm có cuff	Cấu hình 01 bộ bao gồm: - 01 Catheter chất liệu Polyurethane. Có tối thiểu 04 lỗ bên đầu catheter giúp giảm thiểu tắc nghẽn catheter. Đoạn nối và phần cố định bằng silicon hoặc chất liệu tương đương (là vật liệu trong suốt, sử dụng an toàn trong y tế). Đầu nối bằng nhựa. Catheter có kích cỡ trong khoảng 14-16Fr, chiều dài từ đầu tip đến cuff trong khoảng 15-30cm và tổng chiều dài từ đầu tip đến điểm cuối catheter trong khoảng 20-35 cm. Tốc độ dòng ≥ 400 ml/phút. - 01 Dây dẫn chữ J có đánh dấu dài tối thiểu 70cm; - Tối thiểu 01 Kim mở đường cỡ 18G dài tối thiểu 7cm; - Tối thiểu 02 que nong mạch; - 01 Dao mổ; - 01 dụng cụ tạo đường hầm; - 01 que thông nòng tích hợp van khóa khí; - 02 nút đẩy catheter; - Tối thiểu 01 gạc dính. Tiệt trùng EO.	Chiếc	264

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
79	Quả lọc hấp phụ	Bao gồm quả lọc hấp phụ kèm Dây nối giữa quả lọc hấp phụ máu và quả lọc thường. + Quả lọc: Vỏ được làm bằng vật liệu Polycarbonate hoặc tương đương; vật liệu hấp phụ: là các hạt Resin, có tính tương thích và an toàn sinh học. Thể tích hấp phụ $\geq 130\text{ml}$. Thể tích khoang máu: $\geq 110\text{ml}$. Diện tích hấp phụ: $\geq 52.000\text{ m}^2$. Nội trở $\leq 4\text{ kPa}$. Lưu lượng máu tối đa $\geq 250\text{ml/phút}$. Áp suất chịu đựng tối đa $\geq 100\text{kPa}$. Độ chịu lực của hạt Resin: $\geq 8,0\text{ N}$. Dải hấp phụ khoảng $5\text{kDa}-30\text{kDa}$. Quả lọc đã được khử trùng. Đóng gói vô trùng đơn chiếc. + Dây nối: làm bằng chất liệu nhựa PVC y tế, độ dài khoảng $\geq 800\text{ mm}$. Đóng gói vô trùng đơn chiếc.	Quả	1.176
80	Băng thử nhiệt	Chỉ thị hóa học dạng băng keo dán được trên các bề mặt dụng cụ y tế thông thường. Chứa chất chỉ thị hóa học làm các vạch màu trên băng dính chuyển màu sau quá trình tiết khuẩn hơi nước ở nhiệt độ từ 121°C đến 134°C , phân biệt các vật liệu và dụng cụ chưa tiết trùng hoặc đã tiết trùng. Kích thước tối thiểu: rộng 19mm , dài 50m/ cuộn . Bảo quản được ở nhiệt độ phòng $15 - 30^\circ\text{C}$.	Cuộn	5.712
81	Test hóa học dùng cho hấp dụng cụ	Chỉ thị hóa học 2 thông số (cấp độ 4): nhiệt độ, thời gian. Chứa chất chỉ thị hóa học làm vạch chỉ thị chuyển màu sau quá trình tiết khuẩn hơi nước ở nhiệt độ 121°C đến 134°C , giúp phân biệt các vật liệu và dụng cụ chưa tiết trùng hoặc đã tiết trùng. Bảo quản ở nhiệt độ phòng: $15 - 30^\circ\text{C}$.	Cái	332.832
82	Test kiểm tra áp suất nồi hấp	Chỉ thị hóa học 3 thông số (cấp độ 5): nhiệt độ, thời gian và áp suất. Chứa chất chỉ thị hóa học làm vạch chỉ thị dịch chuyển màu sau quá trình tiết khuẩn hơi nước ở nhiệt độ 121°C đến 134°C , giúp phân biệt các vật liệu và dụng cụ chưa tiết trùng hoặc đã tiết trùng. Bảo quản ở nhiệt độ phòng: $15 - 30^\circ\text{C}$.	Cái	158.112
83	Test chỉ thị sinh học cho máy hấp ẩm	Chỉ thị sinh học dùng để kiểm tra chất lượng tiết khuẩn máy hấp ẩm, chứa chất chỉ thị hóa học làm vạch chỉ thị chuyển màu sau quá trình tiết khuẩn hơi nước ở nhiệt độ 121°C đến 134°C . Thời gian đọc kết quả sau $\leq 30\text{ phút}$.	Cái	1.080
84	Test kiểm tra chất lượng lò sau sửa chữa	Test kiểm tra chất lượng lò sau sửa chữa. Dùng trong lò hơi nước hút chân không từ $121-134^\circ\text{C}$. Chứa chất chỉ thị hóa học chuyển màu giúp kiểm tra chất lượng lò sau sửa chữa. Mực không độc hại, không chứa chì và kim loại nặng. Bảo quản ở nhiệt độ phòng.	Gói	1.248
85	Test kiểm tra hơi nước của lò hấp	Test kiểm tra hơi nước của lò hấp. Chứa chất chỉ thị hóa học chuyển màu giúp kiểm tra hơi nước của lò hấp. Mực không độc hại, không chứa chì và kim loại nặng. Bảo quản ở nhiệt độ phòng.	Miếng	2.112
86	Bàn chải đánh tay phẫu thuật viên	Sử dụng được nhiều lần, chịu được nhiệt độ cao khi hấp sấy.	Cái	2.328

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
87	Giấy gói dụng cụ cho máy hấp nhiệt độ thấp 20cm	Kích thước: rộng 20cm ($\pm \leq 5\%$). Cấu tạo gồm một lớp Tyvek mờ đục dạng sợi giúp thẩm thấu hóa chất và một lớp trong suốt để quan sát dụng cụ bên trong. Chịu được áp lực tối thiểu 0.4 psi, đảm bảo gói dụng cụ không bị bục, rách trong quá trình tiệt khuẩn do áp suất bên trong gói đựng dụng cụ thay đổi trong các giai đoạn tiệt khuẩn. Chỉ thị màu chuyển màu từ trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng. Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt khuẩn Plasma.	Cuộn	408
88	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO cỡ 75 mm	Kích thước: rộng 75mm, dài tối thiểu 200m/cuộn. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim gồm PET và CPP. Chỉ thị màu sẽ chuyển màu rõ ràng từ màu trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng	Cuộn	720
89	Phin lọc rửa tay vô trùng	Phin lọc cung cấp nước vô khuẩn tại đầu vòi. Kích thước lỗ lọc 0.2 μm ($\pm \leq 5\%$). Tốc độ lọc yêu cầu ≥ 6 lít/phút (ở áp lực ≤ 3 bar), kiểu phun mưa. Khả năng loại bỏ vi khuẩn từ Log 7 trở lên. Thời gian lọc hiệu quả ≥ 30 ngày liên tục, không cần hấp tiệt trùng. Cung cấp đầu nối tương thích với vòi nước đang sử dụng tại bệnh viện.	Cái	1.920
90	Lưỡi cắt tiêu bản	Chất liệu bằng thép không gỉ, kích thước 80 x 8 x 0.25mm ($\pm 5\%$), góc nghiêng 35 độ ($\pm 5\%$). Tương thích với máy cắt vi thể đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: HM 325/ hãng Thermo Shandon/ xuất xứ UK).	Cái	10.440
91	Cassette nhựa đúc bệnh phẩm	- Kích thước: Dài x Rộng x Cao x Dày: 81.5mm x 28.5mm x 6mm x 1.1mm ($\leq \pm 5\%$) - Thiết kế nắp tháo rời được. - Vùng ghi mã bệnh phẩm viết lên được. - Băng cassette không bị phai màu khi ngâm trong formalin 45°C trong 3 giờ, cồn 45°C trong 7 giờ, xylol 45°C trong 2 giờ, parafin 64°C trong 5 giờ. - Tương thích với máy cắt vi thể đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: HM 325/ hãng Thermo Shandon/ xuất xứ UK)	Cái	416.040
92	Kit thu nhận tiểu cầu túi đơn (túi chống đông 750ml)	Kit thu nhận được kèm theo 01 túi chống đông khoảng 750ml/túi, dùng để thu nhận một đơn vị tiểu cầu. Cam kết cung cấp thiết bị sử dụng cho vật tư trùng thấu, số lượng theo nhu cầu của Bệnh viện.	Bộ	1.872
93	Kit thu nhận tiểu cầu túi đơn (túi chống đông 500ml)	Kit thu nhận được kèm theo 01 túi chống đông khoảng 500ml/túi, dùng để thu nhận một đơn vị tiểu cầu. Cam kết cung cấp thiết bị sử dụng cho vật tư trùng thấu, số lượng theo nhu cầu của Bệnh viện.	Bộ	1.968
94	Phin lọc bạch cầu truyền hồng cầu	Bộ bao gồm: - 02 đầu cắm kết nối với các túi chế phẩm; - 01 đầu Luer-lock kết nối với bệnh nhân; - 01 lưới lọc thô kích thước ≤ 200 micron; - 01 màng lọc chất liệu PE không dệt; - 01 thanh cuộn điều chỉnh tốc độ lọc; - có van xả khí. Lượng bạch cầu tồn dư sau lọc $< 0.2 \times 10^6$, khối lượng hồng cầu trung bình được bảo toàn sau khi lọc : $> 90\%$. Đóng gói tiệt trùng.	Bộ	1.488

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
95	Que cấy nhựa 1ul	Que cấy nhựa 1ul. Chất liệu bằng nhựa dẻo vô trùng, đóng gói 1-2 chiếc/gói. Có nhãn mác ghi thông tin tiết trùng, số lô sản xuất, hạn sử dụng.	Cái	31.200
96	Que cấy nhựa 10ul	Que cấy nhựa 10ul. Chất liệu bằng nhựa dẻo vô trùng, đóng gói 1-2 chiếc/gói. Có nhãn mác ghi thông tin tiết trùng, số lô sản xuất, hạn sử dụng.	Cái	52.032
97	Ống ly tâm (ống Falcon) loại 15 - 20ml	Thể tích 15 - 20ml, bằng nhựa cứng trong suốt, không màu, có nắp xoáy chặt, không rò dịch.	Cái	6.792
98	Ống nghiệm nhựa nước tiểu	Kích thước 16x100mm, thành ống dày đảm bảo chịu được lực quay ly tâm 5000RPM mà không bị rạn nứt, có nắp. Có nhãn rộng ghi đủ thông tin của bệnh nhân.	Cái	235.128
99	Ống xét nghiệm (sample cup)	Ống xét nghiệm có dung tích 2ml, làm bằng vật liệu polystyrene trong suốt.	Cái	36.432
100	Ống trữ lạnh mẫu	Ống dùng để trữ lạnh mẫu có dung tích 2ml, làm bằng vật liệu polypropylene (PP). Có khu vực viết nhãn. Không có DNA, không có Dnase và Rnase, không có chất ức chế PCR.	Cái	1.560
101	Ống Micro đựng mẫu	Ống đựng mẫu dung tích tối thiểu 2ml, chất liệu Polypropylene, nắp xoáy. Khả năng chịu nhiệt độ cao và âm sâu từ -196°C đến 121°C.	Cái	11.976
102	Ống Eppendorff	Dung tích 1.5ml. Chất liệu bằng nhựa cứng trong suốt, không màu. Có nắp đậy chặt, kín, miệng nắp và viền miệng trơn, dễ đóng mở. Khi quay ly tâm không bị rò dịch. Không bị biến dạng ở nhiệt độ cao.	Cái	692.640
103	Lọ nhựa đựng tinh trùng	Chất liệu bằng nhựa trắng trong, trung tính, tinh khiết hoàn toàn. Chiều cao khoảng 6cm, đường kính đáy 3,5cm. Có nắp vặn khít. Có nhãn để ghi thông tin bệnh nhân.	Cái	9.360
104	Găng tay không bột	- Chất liệu cao su tổng hợp không bột, không tiết trùng, không chứa Latex, không Protein, không gây dị ứng, không thấm nước, kháng dầu; - Cung cấp được tối thiểu kích cỡ S, M và L. - Chiều dài tối thiểu 240mm. Độ dày tối thiểu: 0,07mm. - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 550%, sau già hóa: 500%	Đôi	6.737.136
105	Giấy lọc fi 20	Đường kính 20cm, giấy dai, lọc tốt.	Tờ	2.088
106	Màng lọc vi khuẩn	Vô trùng, đóng gói đơn chiếc, có nhãn mác ghi số lô sản xuất, hạn sử dụng.	Tờ	528
107	Túi lấy máu đơn	Túi có dung tích ≥ 350 ml để đựng máu toàn phần. Túi chứa sẵn khoảng 50ml dung dịch chống đông bảo quản được máu toàn phần ≥ 35 ngày ở nhiệt độ 4 độ C. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy bảo vệ đầu kim. Dây lấy máu dài ≥ 100 cm, có kẹp dây. Trên ống dây được chia làm các đoạn bằng nhau, trên mỗi đoạn có khắc mã số ký hiệu.	Túi	4.992
108	Túi lấy máu rỗng	Túi có dung tích ≥ 350 ml để đựng máu toàn phần. Có kim nhọn để kết nối với túi máu cần truyền, có nắp bảo vệ đầu kim. Dây lấy máu dài ≥ 50 cm, có kẹp dây. Trên ống dây được chia làm các đoạn bằng nhau, trên mỗi đoạn có khắc mã số ký hiệu.	Túi	14.592

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
109	Túi lấy máu bốn	Túi máu chất liệu PVC hoặc tương đương, có dây lấy máu dài $\geq 940\text{mm}$, có kẹp dây. Túi có bộ lấy mẫu chân không kèm theo gồm: giá đỡ lấy máu bằng ống chân không và túi để lấy mẫu máu. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy kín không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Sức bền của túi: Sức bền ly tâm $\geq 5000\text{g}$ trong tối thiểu 10 phút. Cấu trúc gồm 4 túi: + Túi 1: dung tích $\geq 350\text{ml}$ để chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu, chứa khoảng 50ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD. + Túi 2: dung tích $\geq 350\text{ml}$ để chứa huyết tương; túi có thể bảo quản hồng cầu, huyết tương, tiểu cầu lên tới 5 ngày. + Túi 3: dung tích $\geq 350\text{ml}$, chứa khoảng 80ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5. + Túi 4 rỗng dung tích $\geq 80\text{ml}$.	Túi	14.808
110	Dao nối vô trùng dùng cho máy nối dây túi máu	Dao nối bằng đồng; tương thích với máy nối dây túi máu tự động (Model máy: B40/ Genesis BPS dùng với thiết bị nguồn Model SW40/ Genesis BPS).	Cái	14.976
111	Giấy parafin	Sử dụng để chống ô nhiễm, chống ẩm, bốc hơi hoặc tràn. Sản phẩm có thể tự niêm phong, không mùi, và có thể co giãn dễ sử dụng cho những bề mặt với kích thước và hình dáng không ổn định	Cuộn	24
112	Giấy thử pH	Dạng cuộn, dùng để đo pH của dung dịch. Có kèm bảng màu để so sánh. Kích thước: dài 5 mét, khoảng đo pH: 1-14.	Gói	96
113	Que thủy tinh đầu dẹt (loại dài)	Bằng thủy tinh trong suốt chịu nhiệt độ cao, không màu, một đầu dẹt, dài khoảng 16cm, đường kính que khoảng 0.5cm.	Cái	10.440
114	Que thủy tinh đầu dẹt (loại ngắn)	Bằng thủy tinh trong suốt chịu nhiệt độ cao, không màu, một đầu dẹt, dài khoảng 10cm, đường kính que khoảng 0.3cm.	Cái	2.616
115	Túi Nylon 20 cm x 30 cm	Chất liệu nylon, không có khóa vuốt, kích thước $\geq 200\text{mm} \times 300\text{mm}$.	Kg	408
116	Túi nilon 30x40cm	Chất liệu nhựa PE, có nắp vuốt. Kích thước $\geq 300 \times 400\text{mm}$.	Cái	3.840
117	Giấy ghi điện tim 6 cần 110mmx140mm	Kích thước 110mmx140mm ($\pm 5\%$). Giấy có dòng kẻ. Tương thích với máy ghi điện tim 6 cần đang sử dụng tại Bệnh viện. (Model: 9022/9022L/Nihon Kohden/Nhật Bản)	Tập	1.320
118	Giấy ghi điện tim 6 cần 58mmx25m	Kích thước 58mmx25m. Giấy có dòng kẻ rõ ràng. Tương thích với máy điện tim hãng BTL.	Cuộn	10.272
119	Giấy ghi điện tim 12 kênh 210mmx20m	Kích thước 210mmx20m ($\pm 5\%$). Giấy có dòng kẻ. Tương thích với các máy điện tim 12 kênh (Model: CP200/ Wech Allyn/ Anh, Cardiocare2000/ Bionet/ Hàn Quốc, LT 08/ BTL/ Anh) đang sử dụng tại Bệnh viện.	Cuộn	2.448
120	Giấy ghi điện tim 12 kênh 210mmx25m	Kích thước 210mmx25m, Giấy có dòng kẻ rõ ràng. Tương thích với máy điện tim BTL	Cuộn	2.448
121	Giấy in nhiệt cho máy siêu âm	Kích thước 110mm x 20m ($\pm 5\%$). Tương thích với máy in siêu âm SONY của bệnh viện.	Cuộn	6.504
122	Giấy in ảnh	Tương thích máy in Sony UP25.	Tờ	74.880

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
123	Giấy in máy hấp nhiệt độ thấp	Giấy in hai liên dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp Sterrad	Cuộn	72
124	Ống thổi	Sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp. Dài 7cm , Ø ngoài 30mm	Cái	10.440
125	Dây cao su	Bằng chất liệu cao su, mềm, dài tối thiểu 1200 mm. Dùng được để nối dẫn dịch thải ngoài, không bị biến dạng sau khi tiệt khuẩn bằng các phương pháp tiệt khuẩn tại Bệnh viện.	Cái	40.632
126	Chai thủy tinh đựng dịch thải	Chất liệu thủy tinh, dung tích ≥ 500 ml, có nắp đậy, không bị nứt vỡ. Không bị biến dạng sau khi tiệt khuẩn bằng các phương pháp tiệt khuẩn tại Bệnh viện.	Cái	19.320
127	Bao cao su (condom)	Sản phẩm làm bằng chất liệu cao su. Sử dụng 1 lần.	Cái	4.776
128	Lưỡi cưa xương ức	Chiều dài làm việc của lưỡi cưa ≥ 30 mm. Độ dày lưỡi cắt khoảng 1,2 mm ($\pm 5\%$). Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Phù hợp với thiết bị Bệnh viện đang sử dụng hãng Aesculap	Cái	144
129	Bộ đèn đặt nội khí quản	Gồm thân đèn và kèm theo tối thiểu 3 lưỡi số 1,2 và 3. Cung cấp được đầy đủ loại dành cho người lớn và trẻ sơ sinh theo nhu cầu của Bệnh viện.	Bộ	480
130	Bộ đo huyết áp đồng hồ	Gồm: đồng hồ đo, băng đo huyết áp và quả bóp huyết áp. Trọng lượng 430g ($\pm 5\%$), dải đo: 20 - 300 mmHg, độ chính xác: ± 3 mmHg. Nhà thầu cam kết đồng hồ phải được kiểm định khi giao hàng (có chứng nhận kiểm định của cơ quan có thẩm quyền cho lô hàng giao cho BV HN Việt Đức).	Bộ	888
131	Bộ ống nghe	Trọng lượng: 110g ($\pm 5\%$). Tai nghe làm bằng nhôm, ống chữ Y.	Cái	1.248
132	Quả bóp huyết áp	Gồm quả bóp chất liệu cao su và van xả.	Cái	1.320
133	Băng đo huyết áp cơ	Loại dán, bao tay chất liệu vải có túi hơi gắn liền với 02 ống hơi chất liệu cao su, dùng được nhiều lần. Cung cấp được các loại dùng cho người lớn kích thước 52x14cm ($\pm 5\%$); Loại dùng cho trẻ em 28x8cm ($\pm 5\%$); Loại dùng cho sơ sinh 24x6cm ($\pm 5\%$)	Cái	1.224
134	Kéo cắt chỉ 16cm	Chất liệu thép không gỉ, Kích thước 16cm, cung cấp được loại thẳng hoặc cong tùy theo nhu cầu của bệnh viện.	Cái	3.120
135	Kéo cắt băng	Chất liệu thép không gỉ, kích thước trong khoảng 18-22cm, đầu tù, sắc.	Cái	2.664
136	Panh Farrabeuf	Chất liệu thép không gỉ, đầu móc bo tròn. Chiều dài ≥ 20 cm.	Đôi	72
137	Panh 3 chạc mở khí quản người lớn	Chất liệu thép không gỉ, đầu panh tròn. Chiều dài ≥ 20 cm.	Cái	552
138	Ống cắm panh	Chất liệu Inox 304, hình trụ. Chiều cao 14cm ($\pm 5\%$), đường kính 5cm ($\pm 5\%$).	Cái	912
139	Khay quả đậu loại nhỏ (Kích thước khoảng 20x14cm)	Chất liệu Inox 304, cạnh khay được gập viền không sắc cạnh, chiều dài 20cm ($\pm 5\%$) , rộng trong khoảng 13-14cm.	Cái	1.632
140	Hộp đựng dụng cụ thay băng	Chất liệu Inox 304, nắp rời. Kích thước 220 x 110 x 50mm ($\pm 5\%$)	Cái	3.384
141	Khay inox chữ nhật 20x30 cm có bo viền	Khay làm bằng inox 304, kích thước trong khoảng 20cmx30cm đến 25cmx30cm. Có bo viền.	Cái	1.632

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
142	Khay inox chữ nhật cỡ nhỏ (khoảng 320 x 220 x 50 (mm))	Chất liệu Inox 304. Kích thước khoảng 320 x 220 x 50 (mm).	Cái	360
143	Bát Inox fi 6cm	Chất liệu Inox 304, Ø6 cm.	Cái	408
144	Bát inox fi 10cm	Chất liệu Inox 304, Ø10 cm.	Cái	456
145	Bát inox fi 14cm	Chất liệu Inox 304, Ø14 cm.	Cái	72
146	Bát inox fi 18cm	Chất liệu Inox 304, Ø18 cm.	Cái	456
147	Hộp đựng bông cỡ to	Chất liệu Inox 304, dạng tròn, chiều cao trong khoảng 60mm-80mm, đường kính trong khoảng 90mm-100mm.	Cái	96
148	Hộp đựng bông cỡ nhỏ	Chất liệu Inox 304, dạng tròn, chiều cao trong khoảng 50mm-70mm, đường kính trong khoảng 70mm-80mm. Nắp hộp có tay cầm.	Cái	576
149	Cán dao mổ các số	Chất liệu thép không gỉ, cung cấp được các cỡ chiều dài 12.5cm và 13.5cm tương đương số 3 và số 4, tương thích với lưỡi dao số 11, 15, 21, 22.	Cái	1.344
150	Mặt nạ gây mê	Được làm từ vật liệu không gây độc hại; kín khít với vùng mặt; kết nối tốt với các trang thiết bị sử dụng kèm. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc. Cung cấp được đầy đủ các kích cỡ dùng cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh; tùy theo nhu cầu của Bệnh viện.	Cái	384
151	Nòng đặt nội khí quản	Có 2 lớp: vỏ làm bằng chất liệu nhựa, lõi làm bằng chất liệu dây aluminum dễ uốn. Có thể khử trùng để dùng lại. Có các kích cỡ khác nhau dùng cho người lớn và trẻ em.	Cái	912
152	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn	Đơn vị tính bằng centimet nước. Cung cấp kèm theo dây nối dài.	Cái	168
153	Bình máy hút có nắp	Chất liệu bình bằng thủy tinh, dung tích $\geq 2,5$ lít, nắp cao su lắp khít miệng bình và 02 đầu nối để kết nối với dây dẫn dịch. Tương thích với vật tư sử dụng kèm bình hút.	Cái	888
154	Bình máy hút không nắp	Chất liệu bình bằng thủy tinh, dung tích $\geq 2,5$ lít, không có nắp kèm theo.	Cái	360
155	Ambu dùng trong cấp cứu	Cung cấp được đầy đủ các kích cỡ dùng cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh tùy theo nhu cầu của Bệnh viện. Cấu hình 01 bộ gồm có: - Bóp bóng chất liệu silicon, dung tích ≥ 600 ml (cỡ trẻ em) và ≥ 800 ml (cỡ người lớn) - Túi chứa khí chất liệu PVC - Mặt nạ thở chất liệu silicon các cỡ - Dây nối oxy dài ≥ 2 m - Van PEEP	Bộ	408
156	Bóng mê	Chất liệu silicon, có thể hấp sấy tiệt trùng. Cung cấp được các cỡ thể tích: 500ml, 1000ml, 2000ml và 3000ml.	Chiếc	1.320
157	Cặp phẫu tích	Loại 16cm, chất liệu thép không gỉ, cung cấp được loại có máu và không máu.	Cái	3.720
158	Pince Kocher 16cm	Loại 16cm, chất liệu thép không gỉ, cung cấp được loại thẳng và cong, có loại có máu và không máu.	Cái	4.944
159	Gu găm xương	Gu găm xương dài 16-18 cm. Chất liệu thép không gỉ, đầu nhọn.	Cái	240
160	Nhiệt kế 42 độ	Bằng thủy ngân, thang đo tới 42 độ, co thang chia độ	Cái	7.848
161	Chổi rửa dụng cụ nội soi	Chổi rửa dụng cụ nội soi cỡ nhỏ, tương thích với kênh dụng cụ có đường kính từ 2.0 - 4.2mm, chiều dài ≥ 2000 mm. Sử dụng cho máy nội soi tiêu hóa hãng Olympus, xuất xứ Nhật Bản.	Chiếc	360

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
162	Bộ điều chỉnh áp lực âm gắn tường kèm đầu cắm nhanh	Cấu hình 01 bộ gồm: - Bộ điều chỉnh lưu lượng hút: Điều chỉnh hút từ 0-700 mmHg. Đồng hồ hiển thị áp lực từ 0-760 mmHg. Có khóa đóng/mở nhanh. Có 2 chế độ mở. Có bình chống tràn. - Bình chứa dịch: Dung tích 2000mml. Chất liệu Polycarbonate, tích hợp van chống tràn. Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121 độ C. - Đầu cắm nhanh tương thích với các ổ khí trung tâm của Bệnh viện.	Bộ	1.128
163	Bộ lưu lượng kế oxy cầm tường kèm Bình làm ẩm oxy	Cấu hình 01 bộ gồm: - Lưu lượng kế: Dạng cột chỉ thị số 0-15 lit/phút, bi nẩy theo tỷ lệ lưu lượng đầu ra cần điều chỉnh. Điều chỉnh lưu lượng sử dụng từ 0-15 lit/phút - Bình làm ẩm oxy: Chất liệu nhựa Polycarbonate. Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121 độ. Có van an toàn, có thiết bị lọc. - Đầu cắm nhanh tương thích với các ổ khí trung tâm của Bệnh viện.	Bộ	1.248
164	Bộ đồng hồ oxy cầm bình kèm Bình làm ẩm oxy	Cấu hình 01 bộ gồm: - Đồng hồ oxy: Dạng cột chỉ thị số 0-15 lit/phút, bi nẩy theo tỷ lệ lưu lượng đầu ra cần điều chỉnh. Điều chỉnh lưu lượng sử dụng từ 0-15 lit/phút. - Đồng hồ hiển thị áp lực đầu vào: Hiển thị áp lực trong bình - Bình làm ẩm oxy: Chất liệu nhựa Polycarbonate. Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121 độ. Có van an toàn, có thiết bị lọc. - Đầu cắm nhanh tương thích với các ổ khí trung tâm của Bệnh viện.	Bộ	624
165	Bình làm ẩm Oxy	Chất liệu nhựa Polycarbonate. Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121 độ. Có van an toàn, có thiết bị lọc. Dung tích 150/200/350ml. Tương thích với bộ lưu lượng oxy gắn tường của Bệnh viện.	Bộ	2.160
166	Dầu bảo quản dụng cụ	Loại bình xịt dung tích 300ml	Lọ	792
167	Bóng bóp , kẹp chi cho máy ghi sóng điện tim Nihon Kohden	Bóng bóp , kẹp chi cho máy ghi sóng điện tim hãng Nihon Kohden	Bộ	48
168	Bóng bóp, kẹp chi cho máy ghi sóng điện tim Cardiolife	Bóng bóp , kẹp chi cho máy ghi sóng điện tim Cardiolife	Bộ	48
169	Bộ Garo hơi tay	Bộ Garo tay hơi silicon dài 35 cm, vật liệu silicon có thể hấp sấy tiệt trùng	Cái	720
170	Đầu đo điện tim cho máy ghi sóng điện tim Nihon Kohden.	Cáp điện tim cho máy ghi sóng điện tim hãng Nihon Kohden. Bảo hành: 06 tháng.	Cái	48
171	Đầu đo điện tim cho máy ghi sóng điện tim Cardiolife.	Cáp điện tim cho máy ghi sóng điện tim Cardiolife. Bảo hành: 06 tháng.	Cái	72

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
172	Đầu đo nhiệt độ cho dàn máy tuần hoàn ngoài cơ thể	Tương thích cho dàn tim phổi nhân tạo của hãng Terumo.	Cái	72
173	Tay dao mổ điện 3 chân cắm	Dùng một lần, loại 3 giác chân cắm.	Cái	3.096
174	Bóng test cho máy thở	(Phổi giả) cho máy thở, máy mê. Cung cấp được các cỡ thể tích 60ml cho trẻ sơ sinh; 500ml cho trẻ em; 1000ml cho người lớn.	Quả	192
175	Bao đo huyết áp trẻ em.	Tương thích sử dụng cho máy theo dõi bệnh nhân HP/Philips. Bảo hành: 06 tháng.	Cái	552
176	Miếng dán đa chức năng (Bản điện cực ngoài của máy chống rung)	Có các tính năng: khử rung tim, theo dõi điện tim, hỗ trợ CPR và tạo nhịp ngoài. Tương thích với máy sốc tim Mseries của hãng Zoll.	Miếng	192
177	Bo mạch chính bơm tiêm điện tương thích với máy Terumo TE331	Bo mạch chính cho bơm tiêm điện, tương thích với bơm tiêm điện Terumo TE331	Cái	48
178	Vỏ trên bơm tiêm điện TE-331	Vỏ máy bằng nhựa tương thích cho bơm tiêm điện Terumo TE 331 đang sử dụng tại bệnh viện	Cái	72
179	Vỏ dưới bơm tiêm điện TE331	Vỏ máy bằng nhựa tương thích cho bơm tiêm điện Terumo TE 331S, TE 331 đang sử dụng tại bệnh viện	Cái	96
180	Vỏ trên cho máy bơm tiêm điện TE331S	Vỏ máy bằng nhựa tương thích cho bơm tiêm điện Terumo TE 331S đang sử dụng tại bệnh viện	Cái	72
181	Bo mạch chính bơm tiêm điện TE331S	Bo mạch chính cho bơm tiêm điện, tương thích với bơm tiêm điện Terumo TE331	Cái	72
182	Nhiệt kế hồng ngoại	Đo nhiệt độ cơ thể vùng trán, môi trường, vật thể. Báo kết quả sau khoảng $\leq 1s$. Màn hình hiển thị LCD. Chế độ hiển thị: $^{\circ}C$. Độ chính xác $\pm 0.2^{\circ}C$. Khoảng đo nhiệt độ cơ thể: khoảng từ $34^{\circ}C - 42^{\circ}C$. Khoảng đo vật thể: Khoảng từ $0^{\circ}C$ đến $100^{\circ}C$.	Cái	720
183	Trocar phẫu thuật nội soi 11mm (gồm 01 ống ngoài)	Ống ngoài trong suốt, ống ngoài có rãnh cố định. Đường kính trong 11mm ($\pm \leq 1mm$). Chiều dài 100mm. Có van chặn khí giúp không bị thoát khí trong quá trình phẫu thuật. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	1.224
184	Trocar phẫu thuật nội soi 12mm (gồm thân và ống ngoài)	Trocar an toàn không dùng dao, trong suốt, gồm 1 thân đầu trong suốt không có gờ và 1 ống ngoài trong suốt có rãnh cố định. Đường kính trong 12mm ($\pm \leq 1mm$). Chiều dài 100mm. Có van chặn khí giúp không bị thoát khí trong quá trình phẫu thuật. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	240
185	Trocar phẫu thuật nội soi 5mm (gồm thân và 2 ống ngoài)	Trocar an toàn không dùng dao, gồm 1 thân đầu trong suốt không có gờ và 2 ống ngoài trong suốt có rãnh cố định. Đường kính trong 5mm ($\pm \leq 1mm$). Chiều dài 100mm. Có van chặn khí giúp không bị thoát khí trong quá trình phẫu thuật. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	2.880
186	Trocar phẫu thuật nội soi 11mm (gồm thân và ống ngoài)	Trocar an toàn không dùng dao, gồm 1 thân đầu trong suốt không có gờ và 1 ống ngoài trong suốt có rãnh cố định. Đường kính trong 11mm ($\pm \leq 1mm$). Chiều dài 100mm. Có van chặn khí giúp không bị thoát khí trong quá trình phẫu thuật. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	2.640

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
187	Kéo phẫu thuật nội soi	Kéo nội soi đường kính khoảng 5mm, hàm cong, chiều dài khoảng 30cm ($\pm \leq 1$ mm). Kẹp bằng thép không gỉ. Dụng cụ có tích hợp đầu đốt đơn cực. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	384
188	Tăm bông lấy bệnh phẩm vô trùng (tiệt trùng đơn chiếc)	Thân que bằng gỗ, một đầu tròn, dài 16cm. Đựng trong ống nghiệm, Chất liệu ống PP, được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái.	Cái	10.440
189	Chỉ thị hóa học cho tiệt trùng chiếu xạ ≥ 10 kGy (nhãn tròn, 12mm, 5000 nhãn/cuộn)	-Nhãn tròn 12.7mm in chữ "Red is exposed" - Diameter: 12.7mm (0.5") circle. Thickness: 0.17mm (indicator); 0.24mm (indicator and liner) - Đổi màu nhất quán và không chuyển ngược lại, không có các vấn đề nhạy ánh sáng, keo dính nhạy áp suất cố định	Cuộn	24
190	Khay quả đậu sâu lòng	Chất liệu Inox 304, thể tích trong khoảng 500ml-1000ml	Cái	288
191	Thanh dè lưỡi	Thanh dè lưỡi: - Chất liệu: Gỗ tự nhiên; - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm (Sai số mỗi chiều $\pm \leq 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	12.480
192	Mỏ vịt	Được chế tạo từ nhựa PP nguyên sinh, không chứa DEHP. Gồm 2 phần được nối với nhau bởi các khớp và có khóa giúp điều chỉnh độ mở. Cứng và trơn, không gây tổn thương niêm mạc. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	2.616
193	Tấm lót y tế	Tấm lót y tế gồm 3 lớp: màng PE chống thấm, lớp siêu thấm và lớp vải. Kích thước tối thiểu 40x60cm.	Cái	2.352
194	Giấy thấm không bụi	Thấm hút cao và ít tạp chất, kích thước 120mm x 215mm dùng cho máy sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5.592
195	Kéo cắt chỉ 10cm	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài 10cm. Cung cấp được đầy đủ loại thẳng và cong, tùy theo nhu cầu của bệnh viện.	Chiếc	5.088
196	Kìm mang Kim	Chiều dài 16cm-18cm. Chất liệu thép không gỉ, tay cầm có móc khóa.	Cái	3.504
197	Pince nhỏ cầm máu 12,14,16cm	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài 12cm và 14cm, 16cm. Cung cấp được đầy đủ loại thẳng và cong, không máu.	Cái	5.784
198	Túi chườm đa năng	Túi làm bằng vật liệu đảm bảo cho được nước đá hoặc đá nhỏ để chườm lạnh, cho nước nóng để chườm nóng, có nắp đậy và vặn chặn không bị rò rỉ. Dung tích 1,8 lít ($\pm \leq 5\%$).	Chiếc	1.392
199	Bát Inox fi 8cm	Chất liệu Inox 304, Ø8 cm.	Cái	480
200	Khay inox chữ nhật 30x40 cm có bo viền	Chất liệu Inox 304. Kích thước 30cmx40cm ($\pm \leq 5\%$). Bo viền xung quanh.	Cái	1.248
201	Bát inox fi 12cm	Chất liệu Inox 304, Ø12 cm.	Cái	264
202	Bát Inox fi 16cm	Chất liệu Inox 304, Ø16 cm.	Cái	264
203	Pince Kocher 18cm	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài 18cm. Cung cấp được đầy đủ loại thẳng và cong, có loại có máu và không máu.	Cái	2.184
204	Pince Kocher 30 -40 cm	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài trong khoảng 30-40cm. Cung cấp được đầy đủ loại thẳng và cong, có loại có máu và không máu.	Cái	264
205	Pince 3 chạc mở khí quản trẻ em	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài trong khoảng 11-13cm, đầu chạc nhỏ, mảnh, đầu panh tròn. Phù hợp sử dụng cho bệnh nhân trẻ em các lứa tuổi	Cái	1.416
206	Banh farrabeuf trẻ em	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài trong khoảng 11-13cm, đầu chạc nhỏ 2 đầu, mảnh, đầu panh tròn. Phù hợp sử dụng cho bệnh nhân trẻ em các lứa tuổi	Đôi	2.688

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
207	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	- Bảo quản được ở nhiệt độ phòng - Loại chỉ thị: Chỉ thị màu - Đơn vị thể hiện: ppm - Dải đo: 0 - ≥ 0.5 ppm	Que	3.120
208	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	- Bảo quản được ở nhiệt độ phòng - Loại chỉ thị: Chỉ thị màu - Đơn vị thể hiện: ppm - Dải đo: 0 - ≥ 40 ppm	Que	3.120
209	Que thử tồn dư Peroxide trong nước chạy TNT	- Bảo quản được ở nhiệt độ phòng - Loại chỉ thị: Chỉ thị màu - Đơn vị thể hiện: ppm - Dải đo: 0 - ≥ 3 ppm	Que	22.848
210	Bóng đèn Halogen 24V-150W - Đức	Tương thích với các hệ thống đèn mổ hãng Berchtold mà Bệnh viện đang sử dụng.	Cái	480
211	Bẫy nước ETCO2 cho máy của hãng (Philip)	Bẫy nước cho khối phân tích khí mê Phillips tương thích với các khối phân tích khí model: M1013A, M1019A, M1026B, M1026A/A02, M1026A/A05 của hãng Phillips	Cái	264
212	Bộ điện cực ngực, điện cực chi cho máy điện tim Cadiolife	Bao gồm: 6 điện cực ngực và 4 điện cực chi, chiều dài tối thiểu 3 m. Tương thích với máy điện tim Cadiolife đang dùng tại bệnh viện.	Bộ	48
213	Bản cực trung tính loại dùng 1 lần cho dao mổ điện Valleylab	Loại chia đôi có chức năng giám sát chất lượng tiếp xúc. Bề mặt dẫn điện dùng cho người lớn: 137 cm ² ($\pm 5\%$). Chất liệu Gel trên bề mặt là Polyhesive hydrogel .	Cái	10.920
214	Bộ cáp đo điện tim 10cực cho máy BTL-08 Holter H600	Có 10 điện cực, điện cực loại kim, IEC. Tổng chiều dài tối thiểu 3m. Tương thích với máy holter điện tim BTL-08.	Bộ	48
215	Dây dẫn máu dùng cho máy HDF Online	Bộ dây dẫn máu bao gồm: - 01 dây động mạch có phin lọc, chiều dài tối thiểu 3600 mm; - 01 dây tĩnh mạch có phin lọc, chiều dài tối thiểu 3200 mm; - 01 dây đo áp lực động mạch có phin lọc, chiều dài tối thiểu 300 mm; - 01 túi chứa nước thải; - 01 ống bơm. Đã tiệt trùng. Tương thích với máy HDF Online đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: DBB-07/ Hãng Nikkiso/Nhật Bản).	Cái	1.824
216	Dây dịch thay thế dùng cho máy HDF Online	Bộ dây gồm: - 01 dây dẫn dịch chiều dài tối thiểu 1300 mm; - có phin lọc dịch và 01 ống bơm; - có đầu kết nối với cổng dịch bù. Tiệt trùng bằng hơi nước. Tương thích với máy HDF Online đang sử dụng tại Bệnh viện, Model: DBB-07/ Hãng Nikkiso.	Cái	1.824
217	Phin lọc sử dụng cho máy HDF Online	Phin lọc có khả năng lọc các nội độc tố trong dịch thẩm tách. Chất liệu màng PEPA (Polyester Polymer Alloy). Tương thích với máy HDF Online đang sử dụng tại Bệnh viện, (Model: DBB-07/ Hãng Nikkiso/Nhật Bản).	Cái	72

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
218	Quả lọc máu hấp phụ Cytokin	Vỏ quả lọc được làm bằng chất liệu Polycarbonate. Chất liệu hấp phụ styren-divinyl benzene copolymer. Lưu lượng máu tối đa ≥ 250 ml/ phút. Thể tích hấp phụ ≥ 330 ml. Thể tích khoang máu ≥ 180 ml. Diện tích hấp phụ ≥ 100.000 m ² . Nội trở ≤ 4 kPa. Áp suất chịu đựng ≥ 100 kPa. Độ chịu đựng của hạt $\geq 8,0$ N. Dải hấp phụ từ 10 - 60kDa. Khả năng hấp phụ Endotoxin $\geq 35\%$, TNF $\geq 30\%$, IL-1 $\beta \geq 35\%$. Quả lọc đã được khử trùng. Đóng gói vô trùng đơn chiếc.	Quả	624
219	Bộ dây chạy thận nhân tạo dùng một lần	Chất liệu dây PVC an toàn trong y tế, không chứa DEHP. Kích thước đoạn vuốt: đường kính trong 8mm ($\pm 5\%$), đường kính ngoài 12mm ($\pm 5\%$). Tiệt trùng bằng EO.	Cái	624
220	Bộ phận kết nối có khóa	Bộ phận kết nối được dùng khi truyền nhiều dung dịch cùng một lúc, có 3 cổng. Đầu kết nối dạng xoay. Áp lực từ ≤ 250 - ≥ 500 psi. Cổng xoay dạng ON/OFF.	Cái	792
221	Dây thở HFNC kèm bình làm ẩm có tích hợp khí dung	Bình làm ẩm: - Thể tích nền 280ml. Độ giãn nở 0.4ml/cm H₂O - Trở kháng dòng ở 60l/phút: 0.45 cmH₂O - Áp lực vận hành tối đa: 8 kPa - Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép. - Tích hợp cổng gắn đầu phun khí dung với nắp đậy. Dây thở: - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với dây gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở xoắn xen kẽ túi khí cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòn xoắn kép) giúp hạn chế đọng nước. - Tốc độ dòng: 2 - 60 l/phút - Chiều dài: 1.8m - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh. Cam kết cung cấp máy thở oxy dòng cao HFNC.	Cái	624
222	Bộ nong thận dùng cho tán sỏi qua da	Bộ nong gồm: - 01 vỏ que nong, cung cấp được tối thiểu cỡ 18Fr; - 06 que nong thận, cung cấp được tối thiểu các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr. - 01 kim chọc dò cỡ 18G, có thể quan sát được bằng siêu âm; - 01 dây dẫn đường chữ J cỡ 0.035inch, dài khoảng 75cm ($\pm 5\%$), làm bằng chất liệu PTFE, phủ chất làm giảm ma sát và chống xoắn. - 01 ống thông niệu quản, cung cấp được tối thiểu cỡ 6Fr, 7Fr, chiều dài khoảng 70cm ($\pm 5\%$), làm bằng chất liệu Polyurethane, thiết kế 1 đầu có gắn luer để bơm nước/hóa chất. - 01 sonde JJ phủ Hydrophilic, cung cấp được tối thiểu cỡ 6Fr, 7Fr. - 01 lưỡi dao mổ. Đóng gói tiệt trùng.	Bộ	4.728
223	Miếng dán phẫu thuật dùng cho tán sỏi qua da	Chất liệu làm bằng Polyurethane. Thoáng khí và không thấm nước. Kích thước tối thiểu 45cm x 45cm, có phễu dẫn nước ra ngoài.	Cái	4.752

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
224	Dây dẫn đường đặt JJ xuôi dòng (Dây dẫn đường Zebra)	Đường kính dây có tối thiểu các kích thước : 0.032 inch, 0.035 inch. Chiều dài dây tối thiểu 150cm. Lõi Nitinol chống gấp khúc. Phần đầu mềm được phủ Hydrophilic, chiều dài được phủ khoảng 65mm.	Cái	1.128
225	Bộ mở thông dạ dày qua da bằng phương pháp nội soi	Bộ mở thông bằng phương pháp nội soi, cấu hình 01 bộ tối thiểu bao gồm: + 01 ống thông dạ dày làm bằng silicon, + 01 dây dẫn hướng, + 01 dao mổ, + 01 miếng đệm gạc, + 01 kẹp cầm máu, + 01 vòng đệm bên ngoài, + 01 dây kéo (thông lộng), + 01 cây kéo. Đường kính thông lộng 2mm ($\pm 5\%$), chiều dài thông lộng 240cm ($\pm 5\%$).	Cái	288
226	Nắp chụp bảo vệ dây soi nhỏ	Kích thước nắp trong khoảng từ 11mm đến 17mm, đường kính ngoài đầu tip dây soi trong khoảng từ 8.5mm đến 14mm, chiều dài ≥ 4 mm	Cái	72
227	Bộ bơm đo áp lực	Sử dụng để bơm bóng nong thực quản hoặc bóng nong đường mật. Dung tích khí ≥ 20 ml. Có đồng hồ để theo dõi áp lực của bóng nong khi sử dụng.	Cái	72
228	Dao kim cắt cơ vòng	Dao được chia làm 3 kênh riêng biệt: kênh cho dây dẫn hướng, kênh cho dao cắt và kênh bơm cản quang. Tương thích với Kênh làm việc: 2.8mm Chiều dài làm việc: 1700mm ($\pm 5\%$) Đường kính đầu tip: 5 Fr Đường kính kim: 0.2mm ($\pm 5\%$) Chiều dài kim: 5mm ($\pm 5\%$) Chiều dài phần phủ lớp cách điện của kim: 3mm ($\pm 5\%$)	Cái	24
229	Kim siêu âm nội soi chọc hút tế bào	Kích thước kênh làm việc 2mm - 2.8mm Chiều dài làm việc: 1400mm ($\pm 5\%$). Cung cấp được đầy đủ các cỡ đường kính kim từ 19G đến 22G.	Cái	96
230	Dao cắt dưới niêm mạc	Dao cắt dưới niêm mạc có các tính năng tối thiểu: đánh dấu điểm trước khi cắt, cắt hót, tiêm phồng và cầm máu. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1800 đến 2200mm; tương thích với kênh làm việc 2.8mm. Đường kính của ống kim 0.5mm ($\pm 5\%$). Chiều dài dao trong khoảng từ 0.5 mm đến 2.0mm.	Cái	48
231	Đầu chụp mũi khoan dài 12cm, gập góc làm phẫu thuật nội soi u tuyến yên	Tương thích sử dụng với Khoan sọ não Model IPC/EC 300/ Hãng sản xuất: Medtronic/ Xuất xứ: Mỹ.	Cái	48
232	Cảm biến oxy của máy thở hãng Medtronic	Dải đo: từ 0 đến 100% oxy; Sai số tuyến tính: $\pm 3\%$ tương đối; Thời gian đáp ứng: ≤ 12 giây; Dải áp suất từ $\leq 0,6$ đến ≥ 2 bar; Nhiệt độ vận hành từ 0 đến ≥ 50 độ C. Sử dụng cho máy thở của hãng Medtronic (model: Bennett 840 và Bennett 980) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	144

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
233	Bộ kit bảo trì 3 năm cho máy gây mê kèm thở Fabius	Tương thích với máy gây mê kèm thở Fabius của hãng Drager	Bộ	24
234	Cảm biến oxy cho máy gây mê của hãng Spacelabs	Dải đo: 0 - 100% oxy; Sai số: $\pm \leq 1\%$ toàn dải đo; Thời gian đáp ứng tối đa: ≤ 13 giây; Nhiệt độ vận hành từ 0 đến ≥ 45 độ C. Sử dụng cho máy mê của hãng Spacelabs (model: Blease) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
235	Bộ dây thở trẻ em dùng cho máy mê (dùng nhiều lần)	Bộ dây thở trẻ em dùng cho máy mê 15 mm: chất liệu silicon bao gồm 2 đoạn dài 1,5 m ($\pm \leq 5\%$), 1 đoạn dài 1,2 m ($\pm \leq 5\%$), 1 nút nối chữ Y, 1 nút nối bóng bóp, 4 nút thu 22-15mm. Bảo hành: 06 tháng.	Cái	72
236	Bóng đèn xenon	Điện áp: 13-15V Nhiệt độ màu: $\geq 6000K$ Công suất: $\geq 300W$ Tương thích với nguồn sáng Hãng: Olympus/ Model: CLV180 và Olympus/ Model: CLV190 Tương thích với nguồn sáng Hãng: Karl Storz/ Model: Xenon 300 và Karl Storz / Model: Xenon nova 300. Số giờ hoạt động ≥ 500 giờ.	Cái	48
237	Bộ điện cực ngực, điện cực chi cho máy điện tim Nihon Kohden	Bao gồm: 6 điện cực ngực và 4 điện cực chi, chiều dài tối thiểu 3 m. Tương thích với máy điện tim Nihon Kohden đang dùng tại bệnh viện.	Bộ	48
238	Bộ cáp đo điện tim loại 3 điện cực của Monito Kontron	Có 3 điện cực loại kẹp hay cúc bấm, IEC. Tổng chiều dài tối thiểu là 3 mét. Tương thích với thiết bị đang sử dụng.	Bộ	48
239	Clip cầm máu liền cán	Clip dùng cho nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, loại đóng mở nhiều lần. Cung cấp được đầy đủ các cỡ đường kính mở từ 11mm đến 16mm, góc mở 135 độ ($\pm \leq 5\%$). Được làm bằng thép không gỉ.	Cái	1.872
240	Đầu chụp tay khoan thẳng dùng trong mổ PT hàm mặt	Đầu chụp tay khoan thẳng sử dụng mũi khoan HP phi 2,35. Tốc độ 40,000 vòng/phút. Tương thích với thân khoan Dentamerica (Đài Loan) đang sử dụng tại bệnh viện.	Cái	120
241	Ống động mạch đùi thẳng nòng sắt 20Fr	Cannula động mạch thẳng, liền khối, có thân chống vặn xoắn, có vạch đánh dấu độ sâu và vòng khâu cản quang, có một đầu dẫn đường và nắp cầm máu. Chiều dài tối thiểu 30cm, cỡ 20Fr với đầu nối khoảng 3/8".	Cái	264
242	Ống động mạch thẳng đầu vát 14Fr	Cannula động mạch thẳng, đầu vát, thân trơn dài, sử dụng cho trẻ em và người lớn. Chiều dài 17 cm - 20cm, cỡ 14Fr với đầu nối khoảng 1/4".	Cái	24
243	Canuyn động mạch đầu thẳng 18Fr	Cannula động mạch thẳng, đầu vát, thân trơn dài, sử dụng cho trẻ em và người lớn. Chiều dài 17 cm - 20cm, cỡ 18Fr với đầu nối khoảng 3/8".	Cái	528
244	Ống động mạch thẳng đầu vát nòng sắt 20Fr	Cannula động mạch thẳng, đầu vát, thân trơn dài, liền khối, có thân chống vặn xoắn. Chiều dài tối thiểu 30cm, cỡ 20Fr với đầu nối khoảng 3/8".	Cái	528
245	Dây nối truyền vành một đường ra	Dây nối truyền vành chữ Y với hai chân dài khoảng 9 cm và 25 cm ($\pm \leq 5\%$), có kẹp.	Cái	1.320
246	Kim gốc động mạch chủ 5Fr	Kim gốc động mạch chủ với đầu kim cỡ 16Ga, dài khoảng 14 cm - 15 cm.	Cái	72

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
247	Kim gốc động mạch chủ 9Fr	Kim gốc động mạch chủ với đầu kim cỡ 12Ga, dài khoảng 14 cm - 15 cm.	Cái	1.320
248	Kim gốc động mạch chủ ít xâm lấn 9Fr	Kim gốc động mạch chủ ít xâm lấn, có thể duy trì huyết động khi loại bỏ đầu kim, cỡ 9Fr, dài tối thiểu 30cm.	Cái	120
249	Kít và dây thối CO2	Bộ cung cấp khí CO2 hút bằng tay để làm sạch được vùng phẫu thuật bằng dòng sương mà không làm khô mô mỏng. Đi kèm bộ ống bao gồm kít và dây thối CO2.	Cái	72
250	Ống hút tim trái 15Fr	Ống hút tim trái cỡ 15Fr, có nhiều lỗ. Chiều dài khoảng 35cm - 40cm với đầu nổi khoảng 1/4".	Cái	72
251	Ống hút tim trái số 16Fr (đầu silicon)	Cannula hút tim trái đầu Silicone, cỡ 16Fr với đầu có nhiều lỗ thông, dài tối thiểu 40cm.	Cái	1.440
252	Ống hút trong và ngoài tim	Dài tối thiểu 15cm, trục được làm từ thép cứng không gỉ, kích cỡ 20Fr, đầu hút có rãnh.	Cái	1.560
253	Ống tĩnh mạch thẳng 12Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 12Fr với đầu nổi khoảng 1/4".	Cái	48
254	Ống tĩnh mạch thẳng 14Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 14Fr với đầu nổi khoảng 1/4".	Cái	48
255	Ống tĩnh mạch thẳng 16Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 16Fr với đầu nổi khoảng 1/4".	Cái	48
256	Ống tĩnh mạch thẳng 18Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 18Fr với đầu nổi khoảng 1/4" - 3/8".	Cái	72
257	Ống tĩnh mạch thẳng 20Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 20Fr với đầu nổi khoảng 1/4" - 3/8".	Cái	72
258	Ống tĩnh mạch thẳng 22Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 22Fr với đầu nổi khoảng 1/4" - 3/8".	Cái	72
259	Ống tĩnh mạch thẳng 24Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 24Fr với đầu nổi khoảng 1/4" - 3/8".	Cái	120
260	Ống tĩnh mạch thẳng 26Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 26Fr với đầu nổi khoảng 3/8".	Cái	168
261	Ống tĩnh mạch thẳng 28Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 28Fr với đầu nổi khoảng 3/8".	Cái	528
262	Ống tĩnh mạch thẳng 30Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 30Fr với đầu nổi khoảng 3/8".	Cái	528
263	Ống tĩnh mạch thẳng 32Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ. Chiều dài từ 30cm - 45cm, cỡ 32Fr với đầu nổi khoảng 3/8".	Cái	72
264	Ống truyền ngược dòng 13Fr	Cannula truyền ngược dòng cỡ 13Fr, dài tối thiểu 30cm. Làm từ silicone, có một cuff bung thủ công với đường theo dõi áp suất, có một bơm tiêm để tự bung cuff.	Cái	72
265	Catheter Swan-Ganz đo cung lượng tim liên tục	Catheter Swan-Ganz đo cung lượng tim liên tục cỡ 7.5F, dài 110mm, đường kính bóng 13mm, thể tích bóng 1,5ml. Đo thông số CO và SV chính xác sau tối đa 20 giây.	Cái	24

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
266	Băng đựng hóa chất sử dụng với máy hấp nhiệt độ thấp	Mỗi băng gồm ≥ 10 cell, mỗi cell chứa 5,4ml ($\pm 5\%$), H ₂ O ₂ 58%. Tương thích với máy tiệt trùng nhiệt độ thấp của hãng STERRAD (model:100NX) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	792
267	Dây truyền dịch an toàn	Dây truyền dịch an toàn: - Chất liệu: PVC an toàn trong y tế, không chứa DEHP, chứa DEHT an toàn (có xác nhận của bên thứ 3); - Dây dài tối thiểu 180cm; đường kính trong 3mm ($\pm 5\%$), đường kính ngoài 4mm ($\pm 5\%$), chịu được áp lực đến 2bar; - Có đầu vặn xoắn luer lock, có cổng bơm thuốc, có khóa điều chỉnh giọt; - Van thông khí: có màng lọc vi khuẩn và virus, chịu được áp lực đến 0,2 bar; - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm; màng lọc dịch có khả năng lọc các hạt tiểu phân đến 3μm, màng chặn khí có khả năng tự ngắt khi hết dịch. - Màng chặn dịch ở đầu dây ngăn dịch chảy ra ngoài khi môi dịch và tự động đuổi khí; Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	390.000
268	Dây truyền dịch an toàn truyền thuốc và hóa chất	Dây truyền dịch an toàn truyền thuốc và hóa chất: - Chất liệu: PUR, có màu để tránh ánh sáng; - Dây dài tối thiểu 180cm; đường kính trong 3mm ($\pm 5\%$), đường kính ngoài 4mm ($\pm 5\%$); - Có đầu vặn xoắn luer lock, có cổng bơm thuốc, có khóa điều chỉnh giọt; - Van thông khí: có màng lọc vi khuẩn và virus, chịu được áp lực đến 0,2 bar; - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm; màng lọc dịch có khả năng lọc các hạt tiểu phân đến 3μm, màng chặn khí có khả năng tự ngắt khi hết dịch. - Màng chặn dịch ở đầu dây ngăn dịch chảy ra ngoài khi môi dịch và tự động đuổi khí; Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	52.008

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
269	Kim luồn tĩnh mạch an toàn kín	- Kiểu có cánh, có đầu bảo vệ kim dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau; - Catheter làm bằng chất liệu PUR, thời gian lưu được kim trong thành mạch ≥ 72 giờ; - Có vách ngăn chống máu trào ngược có thể sử dụng nhiều lần, có màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền; - Có tối thiểu 4 đường cản quang ngầm; - Cung cấp được tối thiểu các cỡ: + 18G (độ dài catheter khoảng $45\text{mm} \pm \leq 5\%$), tốc độ chảy $\geq 100\text{ml/phút}$; + 20G (độ dài catheter khoảng $32\text{mm} \pm \leq 5\%$), tốc độ chảy $\geq 60\text{ml/phút}$; + 22G (độ dài catheter khoảng $25\text{mm} \pm \leq 5\%$), tốc độ chảy $\geq 35\text{ml/phút}$; + 24G (độ dài catheter khoảng $20\text{mm} \pm \leq 5\%$), tốc độ chảy $\geq 20\text{ml/phút}$; - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	390.912
270	Mũi cắt sọ loại trung bình	Mũi khoan cắt sọ dài $65\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính thân $3,15\text{mm} (\pm 5\%)$. Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não: P200-CU-230/ Nakanishi/Nhật Bản	Cái	3.744
271	Mũi khoan tạo hình	Mũi khoan tạo hình dài $55\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính thân $2,35\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính mũi khoan khoảng $1,5\text{mm} (\pm 5\%)$. Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não: P200-CU-230/ Nakanishi/Nhật Bản	Cái	2.496
272	Mũi khoan đầu kim cương (mũi mài kim cương dùng cho tay khoan loại trung bình)	Mũi khoan mài kim cương dài $115\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính thân $2,35\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính đầu mũi khoan gồm các cỡ $1.0/2.0/3.0/4.0/5.0/6.0/7.0\text{mm}$. Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não: P200-CU-230/ Nakanishi/Nhật Bản	Cái	1.872
273	Mũi khoan đầu kim cương (mũi mài kim cương dùng cho tay khoan loại dài)	Mũi khoan mài kim cương dài $135\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính thân $2,35\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính đầu mũi khoan gồm các cỡ $2.0/3.0/4.0/5.0/6.0/7.0\text{mm}$. Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não: P200-CU-230/ Nakanishi/Nhật Bản	Cái	1.872
274	Mũi khoan mài tuyến yên đầu kim cương loại mũi dài	Mũi khoan mài tuyến yên đầu kim cương dài $160\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính thân $1\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính đầu mũi khoan gồm các cỡ $2.0/3.0/4.0\text{mm}$. Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não: P200-CU-230/ Nakanishi/Nhật Bản	Cái	1.872
275	Mũi khoan đầu tròn có rãnh xoắn dùng cho tay khoan loại trung bình (mũi phá)	Mũi khoan rãnh xoắn dài $115\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính thân $2,35\text{mm} (\pm 5\%)$, đường kính đầu mũi khoan gồm các cỡ $1.0/2.0/3.0/4.0/5.0/6.0/7.0\text{mm}$. Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não: P200-CU-230/ Nakanishi/Nhật Bản	Cái	1.872

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
276	Mũi khoan đầu tròn có rãnh xoắn dùng cho tay khoan loại dài	Mũi khoan rãnh xoắn dài 135mm ($\pm 5\%$), đường kính thân 2.35mm ($\pm 5\%$), đường kính đầu mũi khoan gồm các cỡ 2.0/3.0/4.0/5.0/6.0/7.0mm. Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não: P200-CU-230/ Nakanishi/Nhật Bản	Cái	1.560
277	Bơm tiêm đôi dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang/đối quang từ Medrad Spectris Solaris EP	Một bộ bao gồm: - 01 xi lanh dung tích tối thiểu 65ml và 01 xi lanh dung tích tối thiểu 115ml; - 01 dây nối áp lực cao chữ Y hoặc chữ T, có độ dài tối thiểu 180cm, có 01 hoặc 02 van một chiều chống trào ngược ở đầu dây; - Xi lanh và dây bơm chịu được áp lực tối đa ≥ 350 psi - 02 ống lấy thuốc; - Sử dụng tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang/đối quang từ Medrad Spectris Solaris EP/ Hãng Bayer Medical Care Inc./Mỹ đang sử dụng tại Bệnh viện.	Cái	552
278	Màng mô vô trùng cỡ lớn	Kích thước vùng dính miếng dán phẫu thuật $\geq 50 \times 45$ cm. Làm từ chất liệu polyurethane hoặc tương đương, miếng dán trong suốt, không gây phản quang từ đèn mổ. Tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	49.536
279	Màng mô vô trùng cỡ vừa	Kích thước vùng dính của miếng dán phẫu thuật $\geq 25 \times 40$ cm. Làm từ chất liệu polyurethane, miếng dán trong suốt, không gây phản quang từ đèn mổ. Tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	36.144
280	Màng mô vô trùng cỡ nhỏ	Kích thước miếng dán phẫu thuật $\geq 20 \times 30$ cm. Làm từ vật liệu polyurethane hoặc tương đương, miếng dán trong suốt, không gây phản quang từ đèn mổ. Tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	64.224
281	Cáp Spo2 cho máy theo dõi bệnh nhân Umec 12	Cấu hình 01 bộ nao gồm: Đầu đo SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor, dài 90cm ($\pm 5\%$). Dây cáp nối dài 300cm ($\pm 5\%$). Tương thích sử dụng cho máy monitor Umec, Imec. Của hãng mindray	Cái	168
282	Cáp điện tim cho máy theo dõi bệnh nhân Umec 12	Đầu đo điện tim 3 cực, đầu gắn điện cực tim loại cúc bấm, hai hàng giắc, theo kiểu của hãng Mindray. Cáp nối dài 300cm ($\pm 5\%$). Tương thích sử dụng cho máy monitor Umec, Ime của hãng Mindray bao gồm cả phần kéo dài kết nối vào máy và phần cáp bệnh nhân.	Cái	168
283	Cáp Spo2 cho máy theo dõi bệnh nhân Phillips MX450	Cấu hình 01 bộ nao gồm: Đầu đo SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor oximax, dài 90cm ($\pm 5\%$). Dây cáp nối dài 300cm ($\pm 5\%$). Tương thích sử dụng cho máy monitor MX 450, MX 430 của hãng Phillips	Cái	144
284	Dây cáp quang cho hệ thống nội soi	Đường kính dây dẫn sáng: ≥ 4 mm Độ dài dây cáp quang: $\geq 1,8$ m Tương thích với nguồn sáng Hãng: KarlStorz/ Model: Power LED 175/ Xenon nova 300/ Xenon 300 Tương thích với nguồn sáng Hãng: B. Braun – Aesculap	Cái	48

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
285	Dây cao tần đơn cực	Chân cắm cỡ 4mm Chiều dài dây: $\geq 3\text{m}$ Tương thích với dao mổ điện cao tần hãng: Covidien/Medtronic	Cái	48
286	Dụng cụ khâu cắt mô trĩ	Dụng cụ khâu cắt trĩ, cung cấp được tối thiểu 03 cỡ có đường kính tròn 32mm, 33mm, 34mm. Đường kính vòng cắt 25mm ($\pm 5\%$). Chiều cao ghim mở 3.8mm ($\pm 5\%$), chiều cao đỉnh ghim khi đóng từ 0.75mm đến 1.5mm. Có tối thiểu 32 ghim bằng titanium.	Cái	312
287	Lưỡi cắt sọ, dạng xoắn cỡ trung bình	Lưỡi cắt sọ dạng xoắn: - Kích thước 1.8x15mm - Chất liệu thép không gỉ - Tiết trùng đơn chiếc - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	4.680
288	Mũi khoan tạo hình, rãnh xoắn	Mũi khoan tạo hình: - Đường kính trong khoảng từ 1.5mm đến 2.0mm; - Chiều dài mũi khoảng 65mm ($\pm 5\%$); - Cung cấp được tối thiểu 02 cỡ; - Chất liệu thép không gỉ; - Mũi khoan có thể gắn với các đầu chụp thẳng và gấp góp có kích thước khác nhau - Tiết trùng đơn chiếc; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	2.496
289	Mũi khoan mài phá	Mũi khoan mài phá: - Đường kính trong khoảng từ 1.0mm đến 6.5mm; - Chiều dài mũi trong khoảng từ 50mm ($\pm 5\%$) đến 60mm ($\pm 5\%$); - Cung cấp được tối thiểu 07 cỡ; - Chất liệu thép không gỉ; - Mũi khoan điều chỉnh được độ dài với 8 vị trí khác nhau; - Mũi khoan có thể gắn với các đầu chụp thẳng và gấp góp có kích thước khác nhau; - Tiết trùng đơn chiếc; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	312
290	Mũi khoan mài đầu kim cương	Mũi khoan mài đầu kim cương: - Đường kính trong khoảng từ 0.8mm đến 6.0mm; - Chiều dài mũi trong khoảng từ 50mm ($\pm 5\%$) đến 60mm ($\pm 5\%$); - Cung cấp được tối thiểu 08 cỡ; - Chất liệu thép không gỉ - Mũi khoan điều chỉnh được độ dài với 8 vị trí khác nhau. - Mũi khoan có thể gắn với các đầu chụp thẳng và gấp góp có kích thước khác nhau; - Tiết trùng đơn chiếc; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	624

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
291	Mũi mài phá tuyến yên	Mũi mài phá cho đầu chụp khoan tuyến yên: - Đường kính 2.0mm; - Chất liệu thép không gỉ; - Tiết trung đơn chiếc; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	312
292	Mũi mài kim cương tuyến yên	Mũi mài kim cương cho đầu chụp khoan tuyến yên: - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 3.0mm; - Cung cấp được tối thiểu 02 cỡ; - Chất liệu thép không gỉ; - Tiết trung đơn chiếc; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	624
293	Đầu chụp mài tuyến yên	Đầu chụp mài tuyến yên: - Đường kính thân 4.5mm ($\pm 5\%$); - Chiều dài làm việc 100mm, tổng chiều dài 120mm; - Có thể tiết trùng ở nhiệt độ cao; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	72
294	Đầu chụp cắt sọ	Đầu chụp cắt sọ: - Kết nối được tối thiểu 05 đầu bảo vệ màng cứng khác nhau; - Có cơ chế khóa an toàn; - Có thể tiết trùng ở nhiệt độ cao; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	72
295	Đầu bảo vệ màng cứng, cỡ trung bình	Đầu bảo vệ màng cứng cỡ trung bình: - Chiều dài làm việc 15mm; - Cung cấp được cả loại cố định và loại xoay; - Có thể tiết trùng ở nhiệt độ cao; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	72
296	Đầu chụp mũi tự dừng	Đầu chụp mũi tự dừng: - Kết nối với mũi khoan tự dừng, chuỗi Hudson; - Tốc độ từ 900 đến 1200 vòng/phút; - Có thể tiết trùng ở nhiệt độ cao; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	72
297	Đầu chụp mũi khoan tạo hình loại dài 40mm	Đầu chụp mũi khoan tự dừng: - Chiều dài làm việc 40mm, tổng chiều dài 110mm; - Có thể tiết trùng ở nhiệt độ cao; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	72
298	Bộ dây mô tơ tốc độ cao	Bộ dây mô tơ tốc độ cao: - Dây cáp dài tối thiểu 3.5m; - Tốc độ từ 1000 đến 80000 vòng/phút; - Có thể tiết trùng ở nhiệt độ cao; - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện.	Cái	72

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
299	Gel hỗ trợ trào ngược dạ dày, thực quản	Gel/dung dịch hỗ trợ chống trào ngược dạ dày, thực quản, hợng - thanh quản. Thành phần: Magic Alginate, Hyaluronic Acid, Hydrolized Keratin (Keratin thủy phân). Dung tích: $\geq 15\text{ml}$	Gói	62.400
300	Đầu côn 5ml	Đầu côn 5ml, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiết trùng, trong suốt.	Cái	1.320
301	Dụng cụ khâu cắt thẳng mô mỡ chiều dài 80mm	Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mô mỡ. Cung cấp được tối thiểu 2 cỡ với độ dài đường ghim khâu khoảng 80mm. Dùng trong phẫu thuật ổ bụng và lồng ngực. Công nghệ ba hàng ghim sole mỗi bên có chiều cao khác nhau. Có thể sử dụng với các loại ghim có chiều dài 80mm phù hợp với các loại mô dày mỏng khác nhau.	Cái	6.120
302	Ghim khâu máy mô mỡ chiều dài 80mm (kèm dao cắt)	Băng ghim cắt khâu nối thẳng dùng trong mô mỡ, thiết kế 3 hàng ghim so le mỗi bên có chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm. Chiều cao ghim đóng khoảng 1.5mm - 2.25 mm. Ghim làm bằng Titan. Tương thích với Dụng cụ khâu cắt thẳng mô mỡ 80mm.	Cái	24.696
303	Dụng cụ khâu cắt nối tự động tròn 3 hàng ghim kèm phụ kiện (đầu đe tháo rời được)	Dụng cụ khâu nối tròn 2 hàng ghim. Gồm tối thiểu các cỡ có đường kính 28mm và 31mm. Chiều dài trục 220mm ($\pm 5\%$). Chiều cao ghim mở từ trong ra ngoài 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm. Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ 1.2mm đến 1.75mm. Đầu đe nghiêng có kèm phụ kiện đầu tù hoặc nhọn để đưa dụng cụ đến vị trí vết cắt, đầu đe tháo rời được. Ghim bằng Titanium.	Cái	6.528
304	Súng bắn ghim Titan	Dụng cụ cố định lưới trong phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn, đùi, bệnh lý thoát vị trong ổ bụng. Dụng cụ giúp cố định mảnh ghép thoát vị chất liệu Titanium có tối thiểu 30 ghim. Ghim hình xoắn ốc, chiều cao ghim 4mm ($\pm 5\%$), rộng 4mm ($\pm 5\%$).	Cái	1.224
305	Túi Cryobag 700ml	- Túi được làm bằng vật liệu tương thích sinh học. Không gây độc tế bào. - Có khả năng chịu đựng cao trong phạm vi nhiệt độ -196 đến 40 độ C	Túi	96
306	Túi Cryobag 500ml	- Túi được làm bằng vật liệu tương thích sinh học. Không gây độc tế bào. - Có khả năng chịu đựng cao trong phạm vi nhiệt độ -196 đến 40 độ C	Túi	168
307	Túi Cryobag 200/250ml	- Túi được làm bằng vật liệu tương thích sinh học. Không gây độc tế bào. - Có khả năng chịu đựng cao trong phạm vi nhiệt độ -196 đến 40 độ C	Túi	312
308	Túi Cryobag 50ml	- Túi được làm bằng vật liệu tương thích sinh học. Không gây độc tế bào. - Có khả năng chịu đựng cao trong phạm vi nhiệt độ -196 đến 40 độ C	Túi	168
309	Que Spatula (que lấy tế bào âm đạo)	Que có dạng thanh dẹp, làm bằng gỗ thông đã trích nhựa, các góc cạnh trơn láng. Kích thước 180x18x2mm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiết trùng.	Cái	2.640

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
310	Kim chọc hút dịch tủy xương dùng một lần	Kích cỡ kim G16, chiều dài kim khoảng 70mm. Đầu kim vát nhọn, thân kim có vạch đánh số từ đầu kim, có lỗ bên thân kim, có thể điều chỉnh chiều dài thân kim. Đầu nổi có van khớp được với bơm xylanh	Cái	288
311	Đầu cắt đốt lưỡng cực hình cầu	Lưỡng cực hình cầu, sử dụng với vỏ ống soi cỡ 24/26Fr, sử dụng cho bàng quang và tiền liệt tuyến. Tương thích với máy Karl Storz đang sử dụng tại Bệnh viện.	Chiếc	48
312	Đầu cực cắt đốt lưỡng cực hình vòng	Lưỡng cực hình vòng, sử dụng với vỏ ống soi cỡ 24/26Fr, sử dụng cho bàng quang và tiền liệt tuyến. Tương thích với máy Karl Storz đang sử dụng tại Bệnh viện.	Chiếc	96
313	Đầu cực cắt đốt lưỡng cực hình vòng lưỡi nhỏ	Lưỡng cực hình vòng nhỏ, sử dụng với vỏ ống soi cỡ 24/26Fr, sử dụng cho bàng quang và tiền liệt tuyến. Tương thích với máy Karl Storz đang sử dụng tại Bệnh viện.	Chiếc	48
314	Màn hình máy truyền dịch LF600	Tương thích cho máy truyền dịch của hãng Terumo (model: LF600) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
315	Gá treo máy truyền dịch LF600	Tương thích cho máy truyền dịch của hãng Terumo (model: LF600) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
316	Zoăng cửa lò của 3 máy hấp âm HASAKY	Gioăng cửa : Có tác dụng làm kín khoang tiệt trùng, đảm bảo an toàn cho người vận hành. - Kích thước: 16 x 2720mm - Chất liệu silicon, cao su chịu nhiệt hoặc tương đương. Nhiệt độ chịu được tối đa ≥ 134 độ C; - Tuổi thọ ≥ 700 mẻ hấp (tương đương 3 tháng sử dụng)	Cái	72
317	Que đốt của 3 máy hấp HASAKY	Tham gia nhiệt: Có tác dụng gia nhiệt tại bình sinh hơi, tạo ra hơi nước để đưa lên khoang hấp tiệt trùng các dụng cụ, vật cần tiệt trùng theo chương trình của máy. - Công suất: $\geq 15.000W$ - Vật liệu chế tạo: Thép không gỉ; - Tuổi thọ ≥ 1000 giờ	Cái	48
318	Tegaderm CHG (10x12cm) - Băng vô trùng trong suốt có gel Chlorhexidine che phủ catheter trung tâm	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane 3-10%, phủ lớp keo Acrylate 5-15%; chính giữa có Gel CHG 2% kháng khuẩn, kích thước 2x4cm; xung quanh viền vải không dệt, có rãnh xẻ sâu. - Kích thước 10x12cm - Đặc tính: Kháng khuẩn cao (chống lại 1 loạt các vi khuẩn gram dương, âm và nấm), Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính $\geq 27nm$ (HIV-1 và HBV), thấm máu và dịch tiết. Cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. Cố định chắc chắn, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch. - Thời gian lưu 7 ngày. - Đóng gói tiệt khuẩn từng chiếc	Cái	1.104

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
319	Vòng nong và bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật tiêu hóa	Vòng nong và bảo vệ vết mổ tương ứng với vết rạch có kích thước: 2.5 - 6cm và 5-9cm. Cấu tạo bao gồm: - 01 vòng cứng để nong và cố định vết mổ, không cần dụng cụ gia cố; - 01 vòng mềm (đối với vòng nong tương ứng với vết rạch nhỏ 2.5 -6cm có kèm dây để rút vòng ra khỏi phẫu trường); - 01 màng phim chất liệu Polyurethane dài 18cm ($\pm 5\%$) để bảo vệ vết mổ.	Cái	408
320	Trocar có bóng	Troca an toàn có bóng cố định, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$). Cung cấp được tối thiểu các cỡ có đường kính 5mm ($\pm 5\%$), 11mm ($\pm 5\%$), 12mm($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân trocar không dao có lỗ ở đầu nòng; - 02 ống ngoài trocar trong suốt; Van giữ khí hình mỏ vịt đôi giúp tránh bị rò khí, có khả năng giữ camera và dụng cụ nội soi. Có thể tháo rời hoàn toàn buồng van để mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài.	Cái	984
321	Bộ nong và bảo vệ vết mổ có nắp dùng trong phẫu thuật tiêu hóa	Bộ nong và bảo vệ vết mổ tương ứng với vết rạch có kích thước: 2.5 - 6cm và 5-9cm. Cấu tạo bao gồm: - 01 nắp đậy để sử dụng trong phẫu thuật nội soi, nắp có lỗ tương thích với trocar 12mm; - 01 vòng cứng để nong và cố định vết mổ, không cần dụng cụ gia cố; - 01 vòng mềm (đối với vòng nong tương ứng với vết rạch nhỏ 2.5 -6cm có kèm dây để rút vòng ra khỏi phẫu trường); - 01 màng phim chất liệu Polyurethane dài 18cm ($\pm 5\%$) để bảo vệ vết mổ.	Chiếc	288
322	Bộ phẫu thuật nội soi 1 lỗ qua đường hậu môn	Bộ phẫu thuật nội soi 1 lỗ đường hậu môn. Bao gồm : - 01 nắp đậy có cổng bơm hơi; - 01 ống nong với kênh thâm nhập có đường kính 4cm. Cung cấp được tối thiểu các cỡ có chiều dài: 40mm, 45mm, 90mm; - 01 ống ngoài đường kính 10mm ($\pm 5\%$) có gắn 01 túi bơm hơi; - 03 ống ngoài đường kính 10mm ($\pm 5\%$); - 01 nòng giúp đưa ống ngoài qua nắp đậy.	Chiếc	48
323	Bộ phẫu thuật nội soi 1 lỗ tiêu hóa	Bộ phẫu thuật nội soi 1 lỗ tiêu hóa. Bao gồm: - 01 nắp đậy có cổng bơm hơi; - 01 vòng nong và bảo vệ vết mổ tương ứng với vết rạch kích thước 1,5-7cm. - 01 lá chắn giúp định hướng dụng cụ; - 01 ống ngoài đường kính 12mm ($\pm 5\%$); - 03 ống ngoài đường kính 10mm ($\pm 5\%$); - 01 nòng giúp đưa ống ngoài qua nắp đậy. - Dụng cụ bảo vệ.	Chiếc	48

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
324	Gọng mũi bất đối xứng thở HFNC	- Cannula thở dòng cao không đối xứng qua mũi cho người lớn. Tốc độ dòng: 10 - 60 L/phút. - Ống cannula làm từ vật liệu giúp thoát hơi nước ra ngoài, giảm đọng nước. - Có kẹp cố định dây cannula với dây cố định quanh đầu. - Thiết kế với hai đường kính gọng mũi có kích thước khác nhau, giúp giảm khoảng chết, công thở, độ ồn, tăng áp lực. - Dây cố định quanh đầu dạng hình ống có thể điều chỉnh độ dài	Cái	624
325	Filter lọc khuẩn cho máy HFNC	- Hiệu suất lọc > 99,9997% vi khuẩn, lọc >99,99% virus. - Filter dùng nhiều lần. - Thời hạn sử dụng 3 tháng hoặc 1000 giờ sử dụng	Cái	168
326	Giấy ghi điện tim 12 kênh 210mmx30m	Kích thước 215mmx30m . Giấy có dòng kẻ, sử dụng cho máy điện tim 12 kênh (Model: CADIOTOUCH 3000/BIONET/ Hàn Quốc) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cuộn	792
327	Bộ cáp đo điện tim 10 cực cho máy điện tim 12 kênh (Model: CADIOTOUCH 3000 / BIONET / Hàn quốc)	Cáp đo điện tim 10 cực cho máy điện tim 12 kênh (Model: CADIOTOUCH 3000 / BIONET / Hàn quốc) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Bộ	48
328	Bộ cáp đo điện tim 10 cực cho máy điện tim Philips Goldway(Shenzhen)Industrial inc/Trung quốc (Model Page writer TC 50)	Cáp đo điện tim 10 cực cho máy điện tim Philips Goldway(Shenzhen)Industrial inc/Trung quốc (Model Page writer TC 50) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Bộ	48
329	Vòng bảo vệ vết mổ dùng trong chấn thương cỡ nhỏ	Vòng bảo vệ vết mổ chấn thương tương ứng với vết rạch có kích thước: 2.5 - 8cm. Cấu tạo bao gồm: - 01 vòng cứng để nâng và cố định vết mổ, không cần dụng cụ gia cố; - 01 vòng mềm; - 01 màng phim chất liệu Polyester - Polyurethane dài 14cm (±5%) để bảo vệ vết mổ.	Cái	1.080
330	Vòng bảo vệ vết mổ dùng trong chấn thương cỡ lớn	Vòng bảo vệ vết mổ chấn thương tương ứng với vết rạch có kích thước: 5 - 13cm. Cấu tạo bao gồm: - 01 vòng cứng để nâng và cố định vết mổ, không cần dụng cụ gia cố; - 01 vòng mềm; - 01 màng phim chất liệu Polyester - Polyurethane dài 17cm (±5%) để bảo vệ vết mổ.	Cái	552

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
331	Bao chi đùi dùng cho máy bơm hơi áp lực ngắt quãng	Có 3 kích cỡ S, M, L. Các size tương ứng với chiều dài vòng bắp đùi của bệnh nhân. Thiết kế dạng bao nhỏ giúp phân tán đều áp lực. Từ 40,6cm đến 55,9cm là cỡ S. Từ 55,9 đến 71,1cm là cỡ M. Từ 71,1cm đến 91,4cm là cỡ L. Máy sử dụng bao chi sử dụng công nghệ xác định thời gian hồi lưu máu, và tự động xác định thời gian hồi lưu máu sau mỗi 30 phút. Máy có thể tạo 3 mức áp lực nén là 45mmHg (khu vực mắt cá chân) - 40mmHg (khu vực bắp chân) - 30mmHg (khu vực bắp đùi)	Đôi	552
332	Hạt định vị hình cầu	Hạt định vị hình cầu làm bằng chất liệu nhựa có phủ cản quang. Tương thích với hệ thống định vị trong phẫu thuật thần kinh sọ não Medtronic (Model: StealthStation S8, Medtronic Navigation, Inc/Hoa Kỳ). Đóng gói tiệt trùng.	Hạt	552
333	Bộ sợi Laser phẫu thuật cắt trĩ	Bộ sợi đốt Laser gồm: - 01 van mở hậu môn chất liệu bằng nhựa; - 01 tay cầm cố định đầu đốt 14G, dài 6cm, có chia vạch; - 01 Sợi quang: + Chất liệu lõi sợi quang: Silica + Đường kính ngoài sợi quang: 1.85µm, + Đường kính lõi sợi quang: 500µm±5%, + Khẩu độ số: 0.26/0.37, + Chiều dài: 2.5m (± 5%), + Có nắp nhựa bọc ở đầu kết nối với máy phát năng lượng; Cam kết cung cấp máy phát năng lượng tối đa 45W, với bước sóng tia laser 980nm và 1470nm.	Bộ	552
334	Bộ sợi laser phẫu thuật rò hậu môn	Bộ sợi đốt Laser phẫu thuật rò hậu môn gồm: - 01 van mở hậu môn chất liệu bằng nhựa; - 01 sợi Silicon; - 01 sợi quang: + Chất liệu lõi sợi quang: Silica + Đường kính ngoài sợi quang: 1.85µm, + Đường kính lõi sợi quang: 600µm (±5%) + Khẩu độ số: 0.22, + Chiều dài: 2.5m (± 5%), + Có nắp nhựa bọc ở đầu kết nối với máy phát năng lượng; + đầu phát năng lượng được bọc bởi phủ thủy tinh thạch anh cứng, chiều dài 15mm + có chia vạch mỗi centimet giúp định vị dễ dàng, cho phép ước tính độ sâu của đường rò và kiểm soát tốt tốc độ kéo của sợi. Cam kết cung cấp máy phát năng lượng tối đa 45W, với bước sóng tia laser 980nm và 1470nm.	Bộ	96

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
335	Khí sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh	- Thành phần khí trong bình: Bao gồm Argon có độ tinh khiết 99,9995%; H₂O: < 3ppm; N₂ < 5ppm; Oxygen < 2ppm; - Bình làm bằng hợp kim nhôm, dung tích 8 lít; - Áp suất an toàn của bình chứa: 250 Bar ($\pm 5\%$); - Áp suất khi nén khí đầy: 130 Bar ($\pm 5\%$); - Thể tích khí trong bình (khí giải nén): 1000 lít ($\pm 5\%$). - Chuẩn kết nối cơ khí: NTP G 1/4 -6mm; kết nối điện gửi: HDMI; Tương thích với máy phát tia Plasma lạnh (Model: PlasmaMED-GAP) đang sử dụng tại bệnh viện.	Bình	624
336	Dụng cụ khâu cắt nối tự động tròn các cỡ (đầu đe tháo rời được)	Dụng cụ khâu nối tròn các cỡ, gồm 2 hàng ghim. Đường kính ngoài gồm tối thiểu các cỡ 24mm, 26mm, 29 mm, 32 mm. Chiều cao ghim mở trong khoảng từ 4.5mm đến 5.0mm. Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ 1.8mm đến 2.2mm. Chiều dài trục khoảng 210mm ($\pm 5\%$), chiều dài tay cầm 250mm ($\pm 5\%$). Đầu đe thiết kế nghiêng 90°, tháo rời được. Ghim bằng titanium.	Cái	408
337	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc liên tục (không kèm lưỡi cắt)	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc. Cung cấp được tối thiểu 3 cỡ với chiều dài đường ghim khoảng 30mm, 45mm, 60mm, không gồm ghim. Chiều dài trục 150mm ($\pm 5\%$). Có nút xoay 360 độ. Gấp góc 45 độ liên tục không khác mỗi bên. Tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi cỡ 30mm, 45mm, 60mm thẳng/cong.	Cái	192
338	Ghim khâu máy gấp góc liên tục (đầu thẳng, kèm lưỡi cắt)	Băng ghim kèm lưỡi cắt. Ghim bằng titanium, thiết kế 3 hàng ghim chiều cao khác nhau. Cung cấp được tối thiểu các kích cỡ sau: - Băng đạn 45mm/ 30mm: Chiều cao ghim mở trong khoảng từ 2.0mm đến 3.0mm. Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ 0.75mm đến 1.25mm. - Băng ghim dài 60mm: Chiều cao ghim mở trong khoảng từ 3.0mm đến 4.0 mm. Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ 1.25mm đến 1.75mm. Tương thích với Dụng cụ cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc liên tục (không kèm lưỡi cắt)	Cái	624
339	Ghim khâu máy gấp góc liên tục (đầu cong, kèm lưỡi cắt)	Băng ghim kèm lưỡi cắt, thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn. Ghim bằng Titanium. Chiều cao ghim mở trong khoảng từ 2.0mm đến 3.0mm, chiều cao ghim đóng trong khoảng từ 0.75mm đến 1.25mm, chiều dài băng ghim 30mm/45mm. Có thiết kế đầu móc. Tương thích với Dụng cụ cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc liên tục (không kèm lưỡi cắt).	Cái	144

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
340	Đầu phun khí dung SOLO	Sử dụng công nghệ màng phun dao động điện Thông số kỹ thuật: - Kích thước (cao x rộng x sâu): 67 x 48 x 25 mm - Cân nặng đầu phun: 13.5g - Thể tích chứa thuốc: 6mL Thông số hiệu quả hoạt động: - Kích thước hạt trung bình: 3,1 μ m - Tốc độ phun thuốc: > 0,2 mL/phút - Thể tích cặn thấp: <0,1 ml khi phun 3ml thuốc - Độ ồn khi hoạt động: <35 dB, đo ở khoảng cách 0,3m	Cái	168
341	Dây máy thở hai nhánh có gia nhiệt, kèm bình làm ấm, không bắn nước	- Bộ dây thở đường kính trong tối thiểu khoảng 20mm. Chiều dài 1.5m - Nhánh thở vào tích hợp dây gia nhiệt dạng xoắn ốc, làm từ vật liệu hạn chế đọng nước. - Nhánh thở ra tích hợp dây gia nhiệt, cho phép khí ẩm khuếch tán ra khỏi thành ống thở. - Dây thở không có bắn nước - Bao gồm bình làm ấm tự động có phao kép chống tràn, một filter lọc khuẩn với hiệu suất lọc virus >99,99%, vi khuẩn >99.9997%. Bộ dây thở dùng cho bệnh nhân trong $\geq$ 14 ngày.	Cái	624
342	Gọng thở HFNC qua mồm khí quản	- Ống dây làm từ vật liệu giúp hơi nước khuếch tán ra bên ngoài môi trường, tránh đọng nước. - Dây đeo cổ tránh tuột adaptor - Lưu lượng 10 - 60 L/phút - Kích thước cổng kết nối mồm khí quản 15mm - Tích hợp nắp chặn bắn đờm	Cái	624
343	Chạc ba tiêm	- Loại không dây, đầu nối dẫn dịch trong suốt. - Chịu được áp lực cao lên đến $\geq$ 100psi. - Sản phẩm làm bằng chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	360.360
344	Chạc ba tiêm có dây nối 10 cm (chịu áp lực cao)	- Loại có dây nối dài 10cm ($\pm$ 5%), dây và các đầu nối dẫn dịch trong suốt, đầu nối kiểu vặn xoáy. - Chịu áp lực cao lên đến $\geq$ 150psi. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc các thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	45.240
345	Chạc ba tiêm có dây nối 25cm (chịu áp lực cao)	- Loại có dây nối dài 25cm ($\pm$ 5%), dây và các đầu nối dẫn dịch trong suốt, đầu nối kiểu vặn xoáy. - Chịu áp lực cao lên đến $\geq$ 150psi. - Sản phẩm được làm từ chất liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc các thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	161.568
346	Dây dẫn oxy	- Chất liệu PVC an toàn trong y tế; - Dài 200cm ($\pm$ 5%); - Lòng ống dây được thiết kế có rãnh chống gãy gập; - Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	6.816

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
347	Dây silicon dẫn lưu	Dây dẫn lưu bằng silicon y tế trong suốt. Đường kính trong 5mm ($\pm 5\%$), đường kính ngoài 7mm ($\pm 5\%$). Chiều dài dây 120mm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	2.232
348	Sonde dạ dày một nòng	Chất liệu PVC mềm an toàn dùng được trong y tế, có đường cảm quang chạy dọc thân ống. Có vạch đánh dấu trên thân ống. Cung cấp được tối thiểu các kích thước: - Dùng cho trẻ em: 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr với chiều dài tối thiểu là 50cm, có 2 mắt phụ. - Dùng cho người lớn: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr với chiều dài tối thiểu 125cm, có 4 mắt phụ. Đầu nối tương thích với bơm cho ăn tiêu chuẩn.	Cái	81.000
349	Bình hút dịch chân không (Redon)	Cấu tạo gồm: + 01 Bình chứa dịch áp lực âm: dung tích tối thiểu 600ml, có vạch và số chia dung tích chứa dịch, áp lực hút tối thiểu 70mmHg. + 01 Dây nối dẫn dịch + 01 Van chống trào ngược + 01 Ống dẫn lưu vết thương có lỗ, có đánh dấu cảm quang, chiều dài từ 500mm - 1100mm, đường kính gồm tối thiểu các cỡ: 8; 10; 12; 14; 16 CH/FR. + 01 Kim	Bộ	1.560
350	Găng mổ tiệt trùng	- Chất liệu: cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính; - Có lượng bột tan vừa phải hoặc có thành phần tương đương có tác dụng chống mồ hôi tay và dễ sử dụng. Lượng bột : $\leq 80\text{mg}/\text{đôi}$; - Cung cấp được tối thiểu kích cỡ 6.5 - 7.0 - 7.5; - Chiều dài tối thiểu 280mm. Dày tối thiểu 0.15mm. - Lực kéo đứt trước già hóa: $\geq 12,5\text{N}$, sau già hóa: $\geq 9,5\text{N}$. Độ giãn đứt trước già hóa: $\geq 700\%$, sau lão hóa: $\geq 550\%$. - Lượng protein: $\leq 200\mu\text{g}/\text{dm}^2$, mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. - Tiệt trùng bằng khí EO.	Đôi	2.020.080
351	Túi nylon bọc kính vi phẫu	Chất liệu nylon, kích thước 110cm x 160cm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	16.440
352	Sonde Foley 2 chạc (thành ống chống gãy gấp)	Sonde có 2 nhánh. Chất liệu cao su có phủ silicon hoặc hoàn toàn bằng silicon, không có chất DEHP. Có van bơm bóng đảm bảo giữ được áp lực tối thiểu 24 giờ. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc. Cung cấp được tối thiểu các số: - Dùng cho người lớn: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr, 26 Fr; kích thước bóng $\geq 30\text{ml}$. Sonde dài khoảng 400mm ($\pm 5\%$). - Dùng cho trẻ em: 8Fr, 10Fr; kích thước bóng $\geq 3\text{ml}$. Sonde dài khoảng 280mm ($\pm 5\%$).	Cái	68.376
353	Phin làm ấm (dùng cho trẻ em)	Phin lọc đa chức năng: lọc khuẩn, làm ấm và làm ấm dùng cho trẻ em, sử dụng cơ chế lọc tĩnh điện . - Khả năng lọc khuẩn và vi-rút $\geq 99,9\%$. - Thể tích lưu thông khí: từ $\leq 60\text{ml}$ đến $\geq 500\text{ml}$. - Khí thở có độ ẩm $\geq 30\text{mg H}_2\text{O}/\text{l}$ tại VT 250ml, thất thoát độ ẩm thấp $\leq 15\text{mg H}_2\text{O}/\text{l}$ tại VT 250ml. - Trở kháng tại 30 l/min là $\leq 2\text{ mbar}$; 60 l/min là $\leq 4\text{ mbar}$. - Khoảng chết (Khối lượng nén) $\leq 25\text{ml}$, Cổng kết nối 2 đầu cỡ: 22mm/15mm , có cổng lấy mẫu khí.	Cái	3.792

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
354	Bơm tiêm dùng máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp CT 64 lớp cắt.	Sử dụng cho máy bơm tiêm CT 64 lớp cắt, 2 cái/hộp. Bao gồm: - 02 xi lanh dung tích 200ml (Sai số $\pm \leq 5\%$), áp lực ≥ 350 psi, chất liệu PP, không chứa DEHP; - 2 đầu lấy thuốc; - 01 dây dẫn thuốc áp lực cao chữ Y dài tối thiểu 150cm có 2 van 1 chiều, áp lực ≥ 350 psi. Tiệt trùng bằng khí EO. Tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang OPTIVANTAGE DH/ MALLINCKRODT/ Mỹ dùng cho máy CT 64 lớp cắt GE OPTIMA 660 đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	1.248
355	Bơm tiêm tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp CT 16 lớp cắt Optivantage	Sử dụng cho máy bơm tiêm CT16 lớp cắt Optivantage. Bao gồm: - 01 xi lanh dung tích 200ml (Sai số $\pm \leq 5\%$), áp lực ≥ 350 psi, chất liệu PP trong suốt, không chứa DEHP. - 01 ống lấy thuốc nhanh chữ J; - 01 dây nối áp lực cao dài 150cm (Sai số $\pm \leq 5\%$), chất liệu PVC, áp lực ≥ 350 psi. Tương thích sử dụng cho máy bơm Optivatage hãng Mallinkrodt – Guerbet đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	1.056
356	Bơm tiêm tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang chụp 16 CT lớp cắt Accutron	Sử dụng cho máy bơm tiêm CT16 lớp cắt Accutron. Bao gồm: - 01 xi lanh dung tích 200ml (Sai số $\pm \leq 5\%$), áp lực ≥ 350 psi, chất liệu PP trong suốt, không chứa DEHP. - 01 ống lấy thuốc nhanh chữ J; - 01 dây nối áp lực cao dài 150cm (Sai số $\pm \leq 5\%$), chất liệu PVC, áp lực ≥ 350 psi. Tương thích với máy bơm thuốc cân quang Accutron CT của hãng Medtron đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	984
357	Ống đặt nội khí quản gấp	Ống nội khí quản kiểu đầu gấp. Ống chất liệu PVC. Có đường cân quang và đánh dấu 2 vạch trên ống, có khả năng chống xoắn, mềm theo thân nhiệt. Có các số: 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5; kiểu gấp mũi, gấp tại vị trí khoảng 25cm, có cuff. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	144
358	Mask thanh quản loại 1 nòng	Loại 1 nòng, chất liệu silicone. Có tối thiểu các số 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5 phù hợp với trọng lượng bệnh nhân từ sơ sinh đến người lớn.	Cái	24
359	Mask thanh quản 2 nòng	Loại 2 nòng, chất liệu silicone. Có tối thiểu các số 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5 phù hợp với trọng lượng bệnh nhân từ sơ sinh đến người lớn.	Cái	24
360	Cảm biến đo độ mê sâu.	Sensor loại dán. Tương thích với monitor đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: Complete Monitoring System. Mã 186-1046. Hãng sản xuất/Xuất xứ: Jabil Circuit Singapore Pte Ltd/Singapore. Năm sản xuất 2020).	Cái	72

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
361	Catheter Fogarty	Catheter lấy huyết khối: - Chiều dài tối thiểu 60cm, có vạch chia trên thân ống; - Cung cấp được tối thiểu các cỡ 2Fr, 3Fr, 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr; - Bóng đầu ống thông bằng cao su hoặc silicon, đường kính bóng có đầy đủ các cỡ từ 5mm đến 14mm. Thể tích bóng có đầy đủ các cỡ từ 0.15mm đến 1.75mm, tùy theo các cỡ catheter.	Cái	504
362	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng số 8Fr	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, cỡ 8Fr, dài tối thiểu 20cm, làm bằng chất liệu Polyurethane, có cán quang. Có vạch chia cm. Bao gồm: dây dẫn, chống gãy gấp, đường kính khoảng 0.035", dài tối thiểu 60cm, 01 bơm tiêm 5ml có lỗ luồn dây dẫn; 01 kim tiêm; 01 dao mổ; 01 kẹp catheter; 01 cây bông; 01 kim thẳng dẫn đường, co nối Y tháo rời được. Kích thước các nòng 14Ga. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	Cái	48
363	Sonde hút hệ thống kín	Sonde hút hệ thống kín có van chặn ở đầu ống đảm bảo khí không thoát ra ngoài khi rửa. Làm bằng chất liệu PVC an toàn trong y tế, có vạch đo độ dài để kiểm soát độ sâu khi luồn ống hút. Thời gian sử dụng bộ sonde hút ≥ 72 h. Cung cấp được tối thiểu các cỡ 12 Fr, 14 Fr với chiều dài khoảng 55cm ($\pm 5\%$). Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.	ống	1.440
364	Tay dao siêu âm phẫu thuật nội soi	Chiều dài cán 350mm ($\pm 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm 5\%$). Lưỡi dao bằng hợp kim Titan được bao phủ lớp chống dính. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	576
365	Tay dao siêu âm mổ mở (loại dài)	Chiều dài cán 230mm ($\pm 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm 5\%$). Lưỡi dao bằng hợp kim Titan được bao phủ lớp chống dính. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Chiếc	48
366	Tay dao siêu âm mổ mở (loại ngắn)	Chiều dài cán 170mm ($\pm 5\%$). Chiều dài hàm dao 16mm ($\pm 5\%$), lưỡi dao dạng kéo, đầu dao cong thon. Lưỡi dao bằng hợp kim Titan được bao phủ lớp chống dính. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Chiếc	240
367	Dây dao siêu âm mổ mở	Dây dao siêu âm mổ mở chuyển hóa điện năng thành dao động cơ học. Tương thích với dao mổ siêu âm đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019).	Chiếc	1.872
368	Dây dao siêu âm mổ nội soi	Dây dao siêu âm mổ nội soi chuyển hóa điện năng thành dao động cơ học. Tương thích với dao mổ siêu âm đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019).	Chiếc	48

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
369	Dụng cụ khâu cắt nối tự động tròn (đầu đe cố định)	Dụng cụ khâu cắt nối tròn sử dụng pin, có ghim kèm theo. Cung cấp được tối thiểu các cỡ có đường kính ngoài 25mm, 29mm, 31mm. Đường kính lưỡi dao trong khoảng 14mm đến 25mm. Chiều cao ghim mở 5.2mm ($\pm 5\%$), chiều cao ghim đóng điều chỉnh được từ 1.5mm đến 2.2mm để phù hợp với độ dày mô khác nhau. Ghim làm bằng hợp kim Titanium.	Cái	552
370	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc (kèm lưỡi cắt)	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc sử dụng pin. Cung cấp được tối thiểu 2 cỡ với chiều dài 45mm, 60mm, không gồm ghim. Đường kính cán 12mm ($\pm 5\%$), chiều dài cán 350mm ($\pm 5\%$), gấp góc mỗi bên 45 độ ($\pm 5\%$), gồm tối thiểu 3 mức. Hàm làm bằng thép không gỉ, độ mở hàm 22mm ($\pm 5\%$). Có bao gồm lưỡi dao cắt bằng thép không gỉ có thiết kế giúp cắt mô hiệu quả.	Cái	480
371	Ghim khâu máy (không kèm lưỡi cắt)	Mỗi bên có 3 hàng đinh ghim, chất liệu hợp kim Titanium. Không kèm lưỡi cắt. Chiều cao ghim đóng 1.0mm - 2.0mm. Thích hợp với các loại mô có độ dày khác nhau như dạ dày, trực tràng, ruột non, phổi, mạch máu Tương thích với Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thẳng đầu gấp góc (kèm lưỡi cắt)	Cái	2.064
372	Dụng cụ cắt nối thẳng mổ mở loại 55mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, không gồm ghim, độ dài đường ghim khâu 60mm ($\pm 5\%$). Dùng được trong phẫu thuật các vị trí: thực quản, dạ dày, lồng ngực... Điều chỉnh được độ đóng của đinh ghim trên máy từ 1.5mm đến 2.0 mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu.	Cái	552
373	Ghim khâu máy mổ mở loại 55mm	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu. Chiều cao ghim đóng từ 1.5mm đến 2.0mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau. Chiều dài đường cắt 60mm ($\pm 5\%$), chiều dài đường ghim 60mm ($\pm 5\%$). Ghim làm bằng hợp kim Titanium. Tương thích với Dụng cụ cắt nối thẳng mổ mở loại 55mm.	Cái	2.112
374	Dụng cụ cắt nối thẳng mổ mở loại 75mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, không gồm ghim, độ dài đường ghim khâu 80mm ($\pm 5\%$). Dùng được trong phẫu thuật các vị trí: thực quản, dạ dày, lồng ngực... Điều chỉnh được độ đóng của đinh ghim trên máy từ 1.5mm đến 2.0 mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu.	Cái	648
375	Ghim khâu máy mổ mở loại 75mm	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở, mỗi bên có 3 hàng ghim. Ghim có thiết kế dạng ôm chéo để tăng bề mặt mô bị ép và tăng hiệu quả cầm máu. Chiều cao ghim đóng từ 1.5mm đến 2.0mm, gồm tối thiểu 3 mức để phù hợp với các mô có độ dày khác nhau. Chiều dài đường cắt 75mm ($\pm 5\%$), chiều dài đường ghim 80mm ($\pm 5\%$). Ghim làm bằng hợp kim Titanium. Tương thích với Dụng cụ cắt nối thẳng mổ mở loại 75mm.	Cái	2.904

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
376	Dụng cụ cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Dụng cụ cắt mạch máu, chạy pin, không gồm ghim. Dài khoảng 320cm ($\pm 5\%$), đường kính cán khoảng 9mm ($\pm 5\%$), gấp góc 50 độ mỗi bên với tối thiểu 3 vị trí. Chiều dài đường ghim khoảng 35mm ($\pm 5\%$), chiều dài đường cắt khoảng 27mm ($\pm 5\%$).	Cái	96
377	Ghim khâu dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Băng ghim mạch máu, mỗi bên 2 hàng ghim, đầu tù. Ghim làm bằng hợp kim Titan. Chiều cao ghim mở khoảng 2.5mm, chiều cao ghim đóng khoảng 1.0mm, gồm tối thiểu 35 ghim. Tương thích với Dụng cụ cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin.	Cái	168
378	Trocar phẫu thuật nội soi 5mm (2 lớp van giữ khí)	Ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 5mm ($\pm 5\%$). Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.608
379	Trocar phẫu thuật nội soi 11mm (2 lớp van giữ khí)	Ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 11mm ($\pm 5\%$). Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.680
380	Trocar phẫu thuật nội soi 12mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Troca an toàn, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 12mm ($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân troca không dao có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong giúp tách cơ dễ dàng giúp giảm tỉ lệ thoát vị qua lỗ trocar; - 01 ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định. Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Chuôi Trocar tháo rời được, giúp mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	192
381	Trocar phẫu thuật nội soi 5mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Troca an toàn, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 5mm ($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân troca không dao có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong giúp tách cơ dễ dàng giúp giảm tỉ lệ thoát vị qua lỗ trocar; - 01 ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định. Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Chuôi Trocar tháo rời được, giúp mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.584

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
382	Trocar phẫu thuật nội soi 11mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Troca an toàn, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), đường kính 11mm ($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân trocar không dao có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong giúp tách cơ dễ dàng giúp giảm tỉ lệ thoát vị qua lỗ trocar; - 01 ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định. Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Chuôi Trocar tháo rời được, giúp mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng.	Cái	1.560
383	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng dùng cho Thận nhân tạo (git ngắn)	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng dùng cho thận nhân tạo. Một bộ gồm: - Catheter 2 nòng: kích thước 12F, cung cấp được tối thiểu các kích cỡ có chiều dài 15cm ($\pm 5\%$) và 20cm ($\pm 5\%$), chất liệu Polyurethan, có cản quang. - Dây dẫn đường đầu chữ J có vạch đánh dấu, chiều dài tối thiểu 60cm. - 01 cây nong cỡ 8Fr và 01 cây nong cỡ 12Fr. - 01 kim dẫn đường cỡ 18G; - 01 bơm tiêm 5ml; - 01 dao mổ. Đóng gói vô trùng đơn chiếc.	Cái	720
384	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO cỡ 150 mm	Kích thước: rộng 150mm ($\pm 5\%$). Gồm ≥ 2 lớp: 1 lớp giấy y tế, 1 lớp bóng kính làm từ PET/ CPP trong suốt hoặc chất liệu tương đương. Chỉ thị màu chuyển màu từ màu trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng.	Cuộn	192
385	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO 350mm	Kích thước: rộng 350mm ($\pm 5\%$). Gồm ≥ 2 lớp: 1 lớp giấy y tế, 1 lớp bóng kính làm từ PET/ CPP trong suốt hoặc chất liệu tương đương. Chỉ thị màu chuyển màu từ màu trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng.	Cuộn	96
386	Chất tẩy rửa dùng cho máy rửa dụng cụ y tế	Thành phần tối thiểu bao gồm: Sodiummono (2-ethylhexyl) sulphate ($\leq 3\%$), Anionic surfactants $\leq 5\%$, non-ionic surfactants $\leq 5\%$, polycarboxylates $\leq 5\%$, phosphonates $\leq 5\%$, enzymes. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) và máy rửa của hãng Belimed (model: WD200) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Can	24
387	Hóa chất H ₂ O ₂ sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Cốc chứa Hydrogen peroxide 59%. Dung tích yêu cầu ≥ 110 ml/cốc. Sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp của hãng Steris (model: Vpromax) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cốc	96
388	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ enzym trung tính dùng cho máy rửa	Thành phần gồm: Sodiummono (2-ethylhexyl) sulphate ($\leq 3\%$), Subtilisin ($\leq 0,3\%$); 100 g dung dịch chứa: $\leq 5\%$ anionic surfactant, $\leq 5\%$ non-ionic surfactants, $\leq 5\%$ polycarboxylates, $\leq 5\%$ phosphonates, enzymes, chất ức chế ăn mòn, tá dược; pH: 7 – 8. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Lít	312

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
389	Hóa chất bôi trơn dụng cụ bằng kim loại dùng cho máy rửa Steris	Bảo vệ dụng cụ, ngăn ngừa ăn mòn và rỉ sét. Không chứa Silicon. Không ngăn cản khả năng thâm nhập của hơi nước trong quá trình tiệt trùng. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Can	48
390	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ kiểm nhẹ dùng cho máy rửa Steris	Không chứa EDTA và NTA; 100g dung dịch chứa trong khoảng $\geq 5 - \leq 15$ % Phosphate, $\leq 5\%$ chất tạo phức, $\leq 5\%$ polycarboxylates, chất ức chế ăn mòn, tá dược; pH: 10-10.5. Sử dụng cho máy rửa của hãng Steris (model: Amsco 3052) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Lít	24
391	Lamelle to	Kích thước: 22x40mm ($\pm 5\%$ từng cạnh), bằng thủy tinh trong suốt, không màu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm, mốc.	Cái	62.400
392	Lamelle nhỏ	Kích thước: 22x22mm ($\pm 5\%$ từng cạnh), bằng thủy tinh trong suốt, không màu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm, mốc.	Cái	93.600
393	Lam kính mài (không phủ cản quang)	Kích thước 75mm x 25mm x 1mm ($\pm 5\%$). Làm bằng thủy tinh, trong suốt, chịu nhiệt độ cao. Lam kính mài góc. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm mốc.	Cái	112.320
394	Lam kính	Kích thước 75mm x 25mm x 1mm ($\pm 5\%$), bằng thủy tinh trong suốt, chịu nhiệt độ cao, không màu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo không bị ẩm mốc.	Cái	149.760
395	Ống nghiệm viên miêng ngắn (khoảng 12cm)	Kích thước khoảng 12cm x 1.5cm x 1mm ($\pm \leq 5\%$), bằng thủy tinh trong suốt chịu nhiệt độ cao, trung tính, không màu, có viên miêng phẳng.	Cái	8.424
396	Đầu côn không lọc 10 μ l	Đầu côn không lọc 1-10 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt.	Cái	104.016
397	Đầu côn có lọc 1000 μ l	Đầu côn có lọc 1000 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA. Khoảng cách từ miệng đầu côn đến màng lọc khoảng 17mm $\pm \leq 5\%$. Đường kính ngoài miệng đầu côn khoảng 9.5 mm $\pm \leq 5\%$, đường kính ngoài đầu hút khoảng 1.3 mm $\pm \leq 5\%$. Chiều dài đầu côn khoảng 75 mm $\pm \leq 5\%$.	Típ	29.952
398	Đầu côn có lọc 200 μ l	Đầu côn có lọc 200 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA. Khoảng cách từ miệng đầu côn đến màng lọc khoảng 12mm $\pm \leq 5\%$. Đường kính ngoài miệng đầu côn khoảng 7.5 mm $\pm \leq 5\%$, đường kính ngoài đầu hút khoảng 0.9 mm $\pm \leq 5\%$. Chiều dài đầu côn khoảng 55 mm $\pm \leq 5\%$.	Típ	9.984
399	Đầu côn có lọc 1-10 μ l	Đầu côn có lọc 1-10 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA.	Cái	59.904
400	Đầu côn có lọc 1-20 μ l	Đầu côn có lọc 1-20 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP), tiệt trùng, trong suốt. Không chứa RNase, DNase và DNA.	Cái	52.920
401	Đầu côn vàng	Bằng nhựa cứng, không bị biến dạng khi hấp tiệt khuẩn nhiệt độ cao 121 độ C. Đầu côn có khía, vạch chia.	Cái	488.808
402	Đầu côn xanh	Đầu côn không lọc, thể tích làm việc 1000 μ l, làm bằng vật liệu polypropylene (PP). Không chứa RNase, DNase và DNA. Chiều dài đầu côn khoảng 70 mm $\pm \leq 5\%$.	Cái	20.808

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
403	Pipette nhựa	Dung tích 3ml, nhựa dẻo, không bị vỡ bầu bóp. Không bị biến dạng khi hấp tiệt khuẩn nhiệt độ cao 121 độ C.	Cái	187.200
404	Ống máu lắng	Ống thủy tinh chân không kích thước 8mmx120 mm ($\pm 5\%$) chứa 0.32 mL chất chống đông dung dịch Natri citrate (3.2%). Dung tích lấy mẫu 1.28ml ($\pm 5\%$). Có nắp chặt. Trên thân ống có tem để ghi thông tin bệnh nhân. Có vạch chia thể tích trên thân ống. Tương thích với máy xét nghiệm máu lắng đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: Mixrate X20/ Electa Lab/ Ý).	Cái	25.488
405	Bóng đèn nội khí quản	Cường độ sáng mạnh, lắp vừa với lưới đèn nội khí quản.	Cái	984
406	Lưới đèn nội khí quản loại thường	Lưới đèn nội khí quản có bóng đèn, tương thích với khớp trên đầu các loại cán tay cầm đèn đặt nội khí quản sử dụng pin loại C.	Chiếc	792
407	Đầu chụp cắt mở sọ	Dài 8cm ($\pm \leq 5\%$), có chân bảo vệ mô mềm. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	144
408	Đầu chụp mũi khoan mài loại dài 9cm	Dài 9cm ($\pm \leq 5\%$), đầu thẳng. Dùng trong phẫu thuật tuyến yên. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	24
409	Đầu chụp mũi khoan tạo hình thẳng loại dài 8cm	Dài 8cm ($\pm \leq 5\%$), đầu thẳng. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	48
410	Đầu chụp mũi khoan loại dài 14cm	Dài 14cm ($\pm \leq 5\%$), gấp góc. Dùng trong phẫu thuật nội soi u tuyến yên. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	48
411	Bộ dây thở người lớn (có bể nước)	Bộ dây thở, loại dùng nhiều lần, cấu tạo bao gồm: - 04 sợi dây silicon dài 60 cm ($\pm 5\%$), đường kính khoảng 22mm ($\pm 5\%$); - 02 bể nước - 01 cút nối chữ Y; - 01 cút nối bóng bóp. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	96
412	Bộ dây thở người lớn dùng cho máy gây mê kèm thở	Bộ dây thở dùng cho máy gây mê kèm thở, loại dùng nhiều lần, cấu tạo bao gồm: - 02 đoạn dài 150 cm ($\pm \leq 5\%$); - 01 đoạn dài 120 cm ($\pm \leq 5\%$); - 01 cút nối chữ Y; - 01 cút nối bóng bóp. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	24
413	Bộ cáp điện tim loại 5 điện cực của máy monitor Spacelabs	Bao gồm cả phần cáp kéo dài kết nối vào máy và phần cáp bệnh nhân. Cảm biến điện tim loại 5 điện cực. Cáp nối dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Spacelabs (model: SL2400, Qube) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	96
414	Bộ cáp điện tim loại 5 điện cực của máy monitor Philips	Bao gồm cả phần cáp kéo dài kết nối vào máy và phần cáp bệnh nhân. Cảm biến điện tim loại 5 điện cực. Cáp nối dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Philips (model: CM10, MP40, MX 450) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	144

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
415	Cáp đo IBP của máy monitor Spacelabs	Dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Spacelabs (model: SL2400, Qube) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
416	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng Spacelabs	Cảm biến SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor. Dây cáp nối dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Spacelabs (model: SL2400, Qube, Elance) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	192
417	Bộ bàn cực trung tính của dao mổ Berchtold loại dùng cho người lớn.	Bao gồm cả bộ bàn cực và bộ cáp nối vào dao mổ điện Berchtold. Chất liệu silicon, chiều dài cáp nối ≥ 300 cm, loại dùng cho người lớn. Sử dụng cho dao mổ Berchtold đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	312
418	Bộ bàn cực trung tính bằng silicon của dao mổ Valleylab, Erbe loại dùng cho người lớn.	Bao gồm cả bộ bàn cực và bộ cáp nối vào dao mổ điện Valleylab, Erbe. Chất liệu silicon, chiều dài cáp nối ≥ 300 cm, loại dùng cho người lớn. Sử dụng cho dao mổ Valleylab, Erbe đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	168
419	Bao đo huyết áp người lớn và trẻ em, của monitor hãng GE	Loại sử dụng nhiều lần. Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 4000 và Dash 5000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
420	Băng đo huyết áp người lớn	Loại sử dụng nhiều lần cho người lớn. Sử dụng cho các dòng monitor của hãng Philips (Model: CM10, MP40, MX 450); của hãng Mindray (Model: Umec 12, iMec) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	840
421	Bộ cáp đo SpO2 loại đút ngón tay sử dụng cho người lớn	Loại sử dụng nhiều lần cho người lớn, loại đút ngón tay. Chất liệu bằng Silicon. Sử dụng theo chuẩn Nellcor, dây cáp nối dài ≥ 300 cm. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
422	Cáp đo IBP của máy monitor Philips	Chiều dài ≥ 300 cm, loại sử dụng nhiều lần. Sử dụng cho máy monitor của hãng Philips (model: MP40, MX450) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	72
423	Bộ cáp đo điện tim loại 5 điện cực của máy monitor GE	Bao gồm cả phần cáp kéo dài kết nối vào máy và phần cáp bệnh nhân. Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 4000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	48
424	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng Mindray.	Bao gồm tối thiểu: Cảm biến SpO2 kẹp ngón tay theo chuẩn Nellcor, cáp nối dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Mindray (model: VS 800) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	120
425	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng Phillips	Bao gồm tối thiểu: Cảm biến SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor. Dây cáp nối dài ≥ 300 cm. Sử dụng cho máy monitor của hãng Philips (Model: MP20, MP30, MP40) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	360

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
426	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay của máy monitor hãng GE	Bao gồm tối thiểu: Cầm biến SpO2 loại kẹp ngón tay, theo chuẩn của hãng Nellcor. Dây cáp nối dài $\geq 250\text{cm}$. Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 5000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	48
427	Cáp đo IBP của máy monitor GE	Sử dụng cho máy monitor của hãng GE (model: Dash 4000) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
428	Bẫy nước EtCo2 Tương thích với máy gây mê kèm thở của hãng GE	Chất liệu nhựa, có cốc tách nước. Tương thích với máy gây mê kèm thở của hãng GE (model: Avance) đang được sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
429	Cảm biến lưu lượng tương của máy thở Engstrom	Cảm biến đo lưu lượng khí từ $0 - \geq 200$ lít/phút. Hấp tiết trùng được ở nhiệt độ $\geq 120^\circ\text{C}$. Sử dụng cho máy thở Engstrom của hãng GE đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	168
430	Van thở ra kèm cảm biến lưu lượng, tương thích với máy thở Engstrom	Van thở ra, chất liệu nhựa, hấp tiết trùng được. Tương thích với máy thở Engstrom của hãng GE đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Bộ	96
431	Núm quay tốc độ máy bơm tiêm điện	Tương thích với bơm tiêm điện của hãng Terumo (model: TE331, SS700, LF600) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Cái	24
432	Đế nhựa của bơm đôi	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
433	Gioăng bơm đôi	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
434	Van một chiều bơm đôi	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
435	Van 1 chiều vào	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
436	Van 1 chiều ra	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
437	Bộ dây hút dịch	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
438	Gioăng bơm siêu lọc	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	144
439	Vòng bi của bơm tăng cường	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	240
440	Phốt bơm	Tương thích với máy chạy thận của hãng Nikkiso (model: DBB-27) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	Cái	240

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
441	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO cỡ 200 mm	Kích thước: rộng 200mm ($\pm \leq 5\%$). Gồm ≥ 2 lớp: 1 lớp giấy y tế, 1 lớp bóng kính làm từ PET/ CPP trong suốt hoặc chất liệu tương đương. Chỉ thị màu chuyển màu từ màu trước khi tiệt trùng sang màu chỉ thị sau khi tiệt trùng.	Cuộn	96
442	Cảm biến lưu lượng cho máy gây mê kèm thở hãng GE	Cảm biến lưu lượng sử dụng cho máy gây mê kèm thở. Sử dụng cho máy gây mê kèm thở của hãng GE (model: 9100c NXT, Aespire, Avance) đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Thời gian bảo hành ≥ 03 tháng.	Chiếc	72
443	Tay khoan lỗ (Đầu chụp mũi khoan tự dừng)	Tốc độ khoan yêu cầu ≥ 1035 vòng/phút. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	Cái	144
444	Đầu chụp khoan mài loại dài 10cm, gấp góc.	Dài 10cm ($\pm \leq 5\%$), đầu gấp. Dùng cho mổ phẫu thuật cột sống. Tương thích với máy khoan của hãng Medtronic (model: IPC/EC300). Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.	cái	96
445	Giấy ghi điện tim 12 kênh cho máy Philips	Giấy ghi điện tim 12 kênh, giấy TC50 dạng tập Z-Fold, kích thước khổ A4 sử dụng cho máy Philips Goldway (Shenzhen) Industrial inc/Trung Quốc (Model Page writer TC50)	Tờ	187.200
446	Ống chẹn phế quản	- Thân ống được phủ PUR (polyurethane) với lõi thép không gỉ kết hợp trục mô-men xoắn linh hoạt giúp dễ dàng thao tác vào vị trí phế quản, có thể xác định dưới tia X-Quang - Ống có đầu nối xoay linh hoạt cho phép xoay mạch nếu bệnh di chuyển, dễ dàng chèn ống soi phế quản. - Bóng chèn làm từ Silicone giảm thiểu nguy cơ vỡ bóng và giảm sự rò rỉ khí trong quá trình sử dụng. - Có thể sử dụng chung cho cả hai phổi trái và phổi phải. - Blocker có đầu nối xoay độc đáo, có trục chặn mô men xoắn cao và linh hoạt, dễ dàng chèn ống soi phế quản. - Kích thước phù hợp với trẻ em, người lớn.	Cái	24
447	Trocar phẫu thuật nội soi chống mờ	Troca chống mờ nội soi, chiều dài 100mm ($\pm 5\%$), cung cấp được tối thiểu 2 loại đường kính 5mm ($\pm 5\%$) và 12mm ($\pm 5\%$). Bao gồm: - 01 thân troca không dao có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong giúp tách cơ dễ dàng giúp giảm tỉ lệ thoát vị qua lỗ trocar; - 01 ống ngoài Trocar an toàn không dao, trong suốt, có rãnh cố định. Van giữ khí có thiết kế gồm nhiều mảnh xếp chồng lên nhau để hạn chế khí thoát ra ngoài. Chuôi Trocar tháo rời được, giúp mang được mẫu bệnh phẩm ra ngoài. Đường vào hình phễu, được phủ chất liệu bôi trơn giúp thao tác dễ dàng. Có công nghệ chống mờ hiệu quả trong việc giảm lau chùi thiết bị đi qua trocar.	Cái	192

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 704 /ĐD-VTTBYT ngày 19 tháng 02 năm 2025)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 704/ĐD-VTTBYT ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT vật tư mời chào giá (Theo phụ lục 01)	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model/ Hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá trước VAT(VNĐ)	VAT (%)	Đơn giá sau VAT (VNĐ)	Thành tiền trước VAT (VNĐ)	Thành tiền sau VAT (VNĐ)
1		Thiết bị A										
2		Thiết bị B										
n		...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị ghi rõ giá trị thuế VAT (0, 5, 8, 10%...) cho từng thiết bị.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày tháng năm [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế (giá trị đã làm tròn đến hàng đơn vị).
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.